

**TUẦN 2**  
**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 3: ĐỌC: ANH EM SINH ĐÔI (Tiết 8)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Anh em sinh đôi. Biết đọc diễn cảm các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật.
- Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mọi người có thể giống nhau về ngoại hình hoặc một đặc điểm nào đó, nhưng không ai giống ai hoàn toàn, bởi bản thân mỗi người là một thực thể duy nhất.
- Biết phân tích, đánh giá và chia sẻ những ý kiến của mình với bạn bè. Biết tôn trọng về riêng và những điểm tương đồng giữa mọi người.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Trân trọng, bày tỏ tình cảm của mình về vẻ riêng của bạn bè và những người xung quanh trong cuộc sống.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: File bài giảng.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')**

- GV tổ chức trò chơi trò chơi, đồng thời treo tranh lên bảng hoặc chiếu tranh trên màn hình: Tìm và nói nhanh 5 điểm khác nhau giữa 2 tranh. (làm việc theo nhóm 2). Bạn nào tìm được nhanh hơn sẽ chiến thắng.
- HS trình bày, GV chỉ vào tranh.
- GV Nhận xét, tuyên dương, tổng kết trò chơi: Qua trò chơi, các em có thể thấy dù có những sự vật, hiện tượng nhìn thoáng qua tưởng như rất giống nhau, nhưng nếu quan sát kĩ, tìm hiểu kĩ, chúng ta vẫn nhận ra sự khác biệt. Con người cũng vậy, có nhiều người nhìn rất giống nhau, ví dụ như các anh chị em sinh đôi, nhưng họ vẫn có những khác biệt nhất định về hình thức, tính cách,...
- GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa
- + Tranh vẽ gì? => Tranh vẽ một đường chạy, trên đó có nhiều bạn đang thi chạy. Hai bạn chạy đầu tiên nhìn rất giống nhau, nhưng có bạn chạy nhanh hơn, có bạn chạy chậm hơn. Xung quanh là bạn bè của các bạn đang cổ vũ rất nhiệt tình)
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

**2. Hoạt động hình thành kiến thức (12 - 13)**

**2.1. Luyện đọc đúng.**

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ trong các câu hội thoại thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật. VD: *tôi chẳng giống ai hết, sao nhằm được,* ...
- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các lời thoại với ngữ điệu phù hợp.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.
- GV chia đoạn: 4 đoạn theo thứ tự:
- + Đoạn 1: từ đầu đến *chẳng bạn tâm đến chuyện đó.*
- + Đoạn 2: tiếp theo cho đến *nỗi ngạc nhiên ngập tràn của Long.*

- + Đoạn 3: tiếp theo cho đến *để trêu các bạn đây*.
- + Đoạn 4: đoạn còn lại.
- GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *kêu lên, cách nói, lo lắng, cổ vũ, chậm rãi, nhanh nhẩu, ...*
- GV giúp HS hiểu nghĩa các từ sau:
- + Nhanh nhẩu: Nhanh trong nói năng, làm việc, không để người khác phải chờ đợi. Ví dụ: Miệng mồm nhanh nhẩu.
- + Thắc mắc: Cảm thấy không thông, cần được giải đáp.
- GV hướng dẫn luyện đọc câu dài: *Hai anh em mặc đồng phục / và đội mũ/ giống hệt nhau, / bạn bè/ lại cổ vũ nhằm mất thôi; Các bạn cuống quýt / gọi Khánh thay thế? Khi thấy Long nhăn nhó vì đau/ trong trận kéo co, ...*
- GV mời học sinh luyện đọc theo nhóm 4.
- GV nhận xét sửa sai.

## 2.2. Luyện đọc diễn cảm.

- GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm toàn bài, nhấn giọng ở những từ ngữ trong các câu hội thoại thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật. VD: *tôi chẳng giống ai hết, sao nhằm được, ...*
- Mời 4 HS đọc diễn cảm nối tiếp đoạn.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết).
- GV theo dõi sửa sai.
- Thi đọc diễn cảm trước lớp:
- + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.
- + GV nhận xét tuyên dương.

## 3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 – 12')

### 3.1. Tìm hiểu bài:

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...
- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

**Câu 1:** Long và Khánh được giới thiệu như thế nào?

Trả lời: *Long và Khánh được giới thiệu là anh em sinh đôi, giống nhau như đúc.*

**Câu 2:** Những chi tiết nào thể hiện cảm xúc và hành động của Long khi thấy mình giống anh?

Trả lời: + *Cảm xúc của Long khi thấy mình giống anh: Hồi nhỏ cảm thấy khoái chí, lớn lên không còn thú vị nữa, khi chuẩn bị đi hội thao thì Long rất lo lắng.*

+ *Hành động của Long: Cố gắng làm mọi thứ khác anh, từ cách nói, dáng đi, đến trang phục, kiểu tóc.*

**Câu 3:** Theo em, vì sao Long không muốn giống anh của mình? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.

- A. Vì Long không thích bị mọi người gọi nhầm.
- B. Vì Long cảm thấy phiền hà khi giống người khác.
- C. Vì Long muốn khẳng định về riêng của mình.

Trả lời: + *Phương án A: Vì ở đầu câu chuyện có chi tiết: Mỗi khi bị gọi nhầm tên, Long lại muốn kêu lên: “Tôi là Long, tôi chẳng giống ai hết.”*

+ *Phương án B: Vì mỗi lần bị nhầm lẫn, Long đều cảm thấy không vui, điều đó rõ ràng gây sự phiền hà cho bạn ấy.*

+ *Phương án C: Vì Long cũng giống như nhiều người khác, luôn muốn khẳng định về riêng của mình, mình là duy nhất, không giống ai.*

- Các bạn đã nói gì về sự khác nhau giữa Long và Khánh? => *Các bạn nói Long và Khánh mỗi người một vẻ, không hề giống nhau. Long chậm rãi, lúc nào cũng nghiêm túc, Khánh nhanh nhẩu, hay cười,...*

**Câu 4:** Nhờ nói chuyện với các bạn, Long đã nhận ra mình khác anh như thế nào?

Trả lời: *Long nhận ra hai anh em chỉ giống ở ngoại hình thôi, còn các đặc điểm tính cách, thói quen,... đều khác nhau, nghĩa là mỗi anh em vẫn có vẻ riêng không thể nhầm lẫn.*

**Câu 5:** Nhận xét về đặc điểm của Long và Khánh thể hiện qua hành động, lời nói của từng nhân vật.

Trả lời: *Đúng như các bạn của hai anh em nhận xét, hành động và lời nói của Long thể hiện Long là người khá nghiêm túc, chậm rãi, hay suy nghĩ. Long còn là người luôn muốn khẳng định bản thân, muốn mình đặc biệt và là duy nhất. Còn Khánh là một người nhanh*

	Long	Khánh
Hành động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cố gắng làm mọi thứ khác anh.</li> <li>- Hỏi bạn bè nguyên nhân các bạn không nhầm lẫn khi cô vũ mình và anh Khánh.</li> <li>- Phá lên cười khi nhận ra hai anh em chỉ giống nhau bề ngoài thôi, thực chất mỗi người một vẻ, không ai giống ai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không bận tâm đến việc hai anh em giống nhau.</li> <li>- Cười khi nghe các bạn nhận xét về mình và em Long.</li> </ul>
Lời nói	- Tôi là Long, tôi chẳng giống ai hết.	- Đôi khi giống nhau cũng hay mà, chỉ cần không bị phạt nhầm là được.

*nhẹn, hài hước, suy nghĩ đơn giản, không quá coi trọng những tương đồng về hình thức, hiểu rõ việc mình và em thực chất rất khác nhau về tính cách, nên việc giống nhau về hình thức không khiến cho Khánh phải bận tâm. Câu nói của Long (tự nói với chính mình) ở cuối câu chuyện cho thấy sự thay đổi trong suy nghĩ của Long. Long nhận ra sự khác biệt rõ rệt giữa hai anh em và hiểu rằng: không cần phải cố gắng chứng minh sự khác biệt đó.*

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

- GV mời HS nêu nội dung bài – HS nêu nội dung bài.

- GV nhận xét và chốt nội dung bài: ***Mọi người có thể giống nhau về ngoại hình hoặc một đặc điểm nào đó, nhưng không ai giống ai hoàn toàn, bởi bản thân mỗi người là một thực thể duy nhất.***

### 3.2. Luyện đọc diễn cảm:

- GV Hướng dẫn lại cách đọc diễn cảm.

- Mời một số học sinh đọc nối tiếp.

- GV tổ chức cho HS thi đọc và đưa ra các tiêu chí đọc để HS nhận xét.

- GV nhận xét, tuyên dương.

### 4. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để củng cố nội dung bài đọc.

- Nội dung câu hỏi:

**Câu 1:** Vì sao hai anh em sinh đôi trong câu chuyện lại có hành động và suy nghĩ khác nhau?

a) Vì họ có ngoại hình khác nhau.

b) **Vì tính cách của họ vốn trái ngược nhau.**

c) Vì họ muốn làm trái ý nhau.

d) Vì họ không yêu thương nhau.

**Câu 2:** Hành động nào của người em thể hiện rõ nhất sự nhân hậu, tốt bụng?

- a) Chăm chỉ làm việc nhà giúp mẹ.
- b) **Chia sẻ đồ ăn, thức uống cho người nghèo khổ.**
- c) Luôn vui vẻ, hòa nhã với mọi người.
- d) Chăm sóc anh trai chu đáo.

**Câu 3:** Người anh trai đã nhận được bài học gì sau khi biến thành con chim xanh?

- a) Cần phải chăm chỉ làm việc nhà.
- b) Cần phải biết yêu thương động vật.
- c) **Cần phải sống nhân ái, biết giúp đỡ mọi người.**
- d) Cần phải biết nghe lời mẹ.

**Câu 4:** Thông điệp nào sau đây được rút ra từ câu chuyện "Anh em sinh đôi"?

- a) Sống trên đời cần phải biết khiêm tốn, không được kiêu ngạo.
- b) Gia đình là quan trọng nhất, cần yêu thương và giúp đỡ lẫn nhau.
- c) **Sống tốt đẹp, nhân ái sẽ được mọi người yêu quý, ngược lại sẽ nhận kết cục không tốt.**
- d) Cần phải biết vâng lời cha mẹ, ông bà.

- HS chia sẻ ý kiến của cá nhân qua câu trả lời của mình.
- GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét tiết học, dặn học sinh chuẩn bị bài đọc: Bài 4: Công chúa và người dẫn chuyện.

#### **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

### **TIẾNG VIỆT**

#### **BÀI 3: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: DANH TỪ CHUNG, DANH TỪ RIÊNG (Tiết 9)**

##### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Biết phân biệt danh từ chung và danh từ riêng.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

##### **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: File bài giảng.

##### **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

###### **1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')**

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.
- + Câu 1: Tìm 3 danh từ chỉ người.
- + Câu 2: Tìm 3 danh từ chỉ vật.
- + Câu 3: Tìm 3 danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên.
- + Câu 4: Tìm 3 danh từ chỉ thời gian
- HS chia sẻ đáp án của mình.
- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

###### **2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về Danh từ chung và danh từ riêng: (10 – 15')**

###### **Bài 1: Xếp các từ trong bông hoa vào nhóm thích hợp**

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:
- GV mời HS làm việc theo nhóm bàn:
- GV mời các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.
- GV nhận xét, đánh giá ghi nhận kết quả đúng và đầy đủ nhất.



## Bài 2. Trò chơi “Gửi thư”. Tìm hộp thư phù hợp với mỗi phong thư.

- GV nêu cách chơi và luật chơi: GV tổ chức cho HS chơi thi đua giữa các nhóm (có thể 2-4 nhóm cùng chơi). GV chuẩn bị tranh hộp thư và các thẻ chữ hình phong thư để HS có thể thả các phong thư vào đúng hộp thư. Nhóm nào thả đúng và xong trước sẽ thắng. GV lưu ý HS chú ý nội dung và quan sát cách viết hoa / viết thường của các từ trong bài 1 theo gợi ý.
- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm.
- GV tổng kết: Các từ nhóm A được gọi là danh từ chung. Các từ nhóm B được gọi là danh từ riêng. GV chốt đáp án đúng:



Nhóm A (sông, người, thành phố)	- Viết thường - Gọi tên một loại sự vật
Nhóm B (Cửu long, Chu Văn An, Hà Nội)	- Viết hoa - Gọi tên một sự vật cụ thể, riêng biệt.

- GV rút ra ghi nhớ: **Danh từ chung là danh từ gọi tên một loại sự vật. Danh từ riêng là danh từ gọi tên một sự vật cụ thể, riêng biệt. Danh từ riêng được viết hoa.**

- 3-4 HS đọc lại ghi nhớ

## 3. Hoạt động luyện tập thực hành: (8 - 10')

HS hoàn thành bài tập trong vở bài tập Tiếng Việt GV kết hợp chấm chữa bài.

## Bài 3. Tìm danh từ chung và danh từ riêng trong đoạn văn dưới đây:

Kim Đồng là người anh hùng nhỏ tuổi của Việt Nam. Anh tên thật là Nông Văn Dền (Có nơi viết là Nông Văn Dền), quê ở thôn Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Trong lúc làm nhiệm vụ giao liên cho bộ đội ta, anh đã anh dũng hi sinh. Khi đó, anh vừa tròn 14 tuổi.

- 1 HS đọc yêu cầu và nội dung bài tập 3.
- GV mời HS làm việc theo nhóm 4
- Các nhóm tiến hành thảo luận và đưa ra những danh từ chung và danh từ riêng trong đoạn văn:
  - + Danh từ chung: người, anh hùng, tuổi, tên, nơi, quê, thôn, xã, huyện, tỉnh, nhiệm vụ, bộ đội.
  - + Danh từ riêng: Việt Nam, Kim Đồng, Nông Văn Dền, Nà Mạ, Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng.
- Đại diện nhóm, chia sẻ đáp án của nhóm.
- HS lắng nghe, nhận xét và bổ sung nếu có.
- GV nhận xét, đánh giá ghi nhận kết quả đúng và đầy đủ nhất.

## Bài tập 4: Tìm danh từ theo gợi ý dưới đây



Danh từ chung chỉ 1 dụng cụ học tập	Danh từ riêng gọi tên 1 người bạn	Danh từ chung chỉ 1 nghề
Danh từ riêng gọi tên 1 con đường, con phố	Danh từ chung chỉ 1 đồ dùng trong gia đình	Danh từ riêng gọi tên 1 đất nước

- GV mời HS đọc yêu cầu của bài.
- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 4.
- GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm đôi vào vở.
- + HS làm bài theo nhóm đôi vào vở.

Danh từ chung chỉ 1 dụng cụ học tập	Thước, bút, cặp sách, sách, vở,...
Danh từ riêng gọi tên 1 người bạn (Lưu ý: có thể chỉ có tên hoặc cả họ cả tên)	Hạnh, Thúy, Thương Lê Thế Minh Dương Nguyễn Hà Phương,...
Danh từ chung chỉ 1 nghề	Giáo viên, bác sĩ, kĩ sư, y tá, công nhân, ...
Danh từ riêng gọi tên 1 con đường, con phố	Hùng Vương, Phạm Văn Đồng, .../
Danh từ chung chỉ 1 đồ dùng trong gia đình	Quạt, bát, đĩa, chảo, nồi, tủ lạnh,....
Danh từ riêng gọi tên 1 đất nước	Mỹ, Việt Nam, Lào. Nhật Bản,....

- GV thu vở chấm một số bài, nhận xét, sửa sai và tuyên dương học sinh.

### 3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.
- + GV chuẩn bị một số từ ngữ trong đó có danh từ và danh từ riêng để lẫn lộn trong hộp.
- + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)
- + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ ngữ nào là danh từ chung, từ nào là danh từ riêng có trong hộp đưa lên dán trên bảng. Đội nào tìm được nhanh và chính xác sẽ thắng cuộc.
- HS chơi trò chơi.
- GV nhận xét, tuyên dương những học sinh tìm nhanh theo YC trò chơi.
- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

## TIẾNG VIỆT

### BÀI 3: VIẾT: TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN ( Tiết 10)

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Biết tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết phân tích, đánh giá và chia sẻ những ý kiến của mình với bạn bè. Biết tôn trọng vẻ riêng và những điểm tương đồng giữa mọi người.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

**1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')**

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Khi viết đoạn văn nên ý kiến về một câu chuyện cần làm gì?

=> *Khi viết đoạn văn nên ý kiến về một câu chuyện cần nói rõ mình thích hoặc không thích câu chuyện đó và nêu rõ lí do.*

+ Câu 2: Đoạn văn nêu ý kiến được trình bày như thế nào?

=> *Đoạn văn nêu ý kiến được trình bày như sau: Mở đầu; Triển khai; Kết thúc.*

+ Câu 3: Kể tên 2 câu chuyện về tình cảm gia đình mà em đã được đọc hoặc được nghe.

=> *Câu chuyện bó đũa; Sự tích cây vú sữa ....*

+ Câu 4: Kể tên 2 câu chuyện về các con vật mà em đã được đọc hoặc được nghe.

=> *Rùa và Thỏ; Dế Mèn phiêu lưu kí....*

- HS làm việc nhóm đôi thảo luận về câu hỏi.

- HS chia sẻ đáp án của mình.

- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.

- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

**3. Hoạt động luyện tập thực hành: (23 - 25')**

*HS hoàn thành bài tập trong vở bài tập Tiếng Việt GV kết hợp chấm chữa bài.*

**\* Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:**

**Đề 1: Viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện về tình cảm gia đình mà em đã đọc hoặc đã nghe.**

**Đề 2: Viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện về các con vật mà em đã đọc hoặc đã nghe.**

**Bài 3: Viết câu chủ đề khác cho 1 trong 2 đoạn văn ở bài tập 2.**

- 1 HS đọc 2 đề bài.

- GV hướng dẫn HS lựa chọn 1 trong 2 đề và xác định yêu cầu trọng tâm của đề bài.

- GV mời HS đọc các yêu cầu chuẩn bị.

+ Em thích câu chuyện nào? Câu chuyện đó em đã đọc hay được nghe kể?

+ Vì sao em thích câu chuyện đó? (Câu chuyện có nội dung gì hấp dẫn? Nhân vật nào thú vị? Chi tiết nào ấn tượng?)

- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để trình bày trong nhóm.

- Yêu cầu HS suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để trình bày trong nhóm.

+ Đề 1: Em thích câu chuyện sự tích cây vú sữa, câu chuyện em đã được đọc.

Em thích câu chuyện đó vì câu chuyện nói về tình cảm mẹ con, chi tiết gây ấn tượng là chi tiết cây vú sữa cuối câu chuyện.

+ Đề 2: Em thích câu chuyện Rùa và Thỏ, câu chuyện em đã được đọc. Em thích câu chuyện đó vì nói về cuộc chạy đua giữa Thỏ và Rùa, nhân vật Rùa tuy chậm chạp nhưng chăm chỉ về đích trước. Nhân vật Thỏ tuy chạy nhanh nhưng coi thường rùa nên về đích sau,...

- Đại diện các nhóm trình bày.

- Các nhóm khác nhận xét.

- GV lưu ý HS nêu lí do yêu thích một câu chuyện thật rõ ràng, thuyết phục vì đây là trọng tâm của đề bài.

- GV nhận xét chung.

**\* Tìm ý:**

- GV hướng dẫn HS trong kĩ gợi ý theo từng phần của đoạn văn (mở đầu, triển khai, kết thúc)

Mở đầu	Giới thiệu tên câu chuyện và nêu ý kiến chung về câu chuyện.
Triển khai	Nêu một hoặc một số lí do yêu thích câu chuyện, chọn dẫn chứng cụ thể giúp người đọc hiểu rõ lí do yêu thích câu chuyện.
Kết thúc	Khẳng định lại ý kiến đã nêu về câu chuyện.

- GV hướng dẫn HS dựa vào các câu trả lời ở phần Chuẩn bị, tìm ý cho bài làm của mình.
- HS viết vào vở hoặc giấy nháp các ý đã tìm được.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Mở đầu	Giới thiệu tên câu chuyện “Sự tích cây vú sữa” và nêu ý kiến chung đây là câu chuyện nổi tiếng viết về tình cảm gia đình.
Triển khai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu chuyện kể về tình mẹ con sâu nặng. Cậu con trai ham chơi nghịch ngược bỏ đi khiến mẹ buồn lòng và ngóng trông từng ngày. Khi cậu hồi hận trở về thì mẹ đã biến thành cây vú sữa. Người mẹ thương con, dù biến thành cây nhưng vẫn cho ra những trái vú sữa ngọt ngào như dòng sữa mẹ cho con.</li> <li>- Câu chuyện sử dụng nhiều chi tiết kì ảo, hấp dẫn.</li> </ul>
Kết thúc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu chuyện khiến em rung rung xúc động.</li> <li>- Bài học: là con cái, hãy hiếu thảo và yêu thương bố mẹ.</li> </ul>

Mở đầu	Giới thiệu tên câu chuyện “Rùa và Thỏ” và nêu ý kiến chung đây là câu chuyện viết về các con vật.
Triển khai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu chuyện kể cuộc chạy đua giữa Thỏ và Rùa. Thỏ kiêu căng, ngạo mạn, chủ quan; Rùa chậm rãi, khiêm tốn đầy tự tin. Cuối cùng Rùa đã thắng Thỏ.</li> <li>- Cách kể sinh động, con vật có suy nghĩ, hành động, nói năng như con người.</li> </ul>
Kết thúc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu chuyện khiến em rung rung xúc động.</li> <li>- Bài học: Không được chủ quan, coi thường người khác mà phải biết khiêm tốn, kiên trì, nỗ lực để thành công</li> </ul>

\* Góp ý và chỉnh sửa.

- GV yêu cầu HS đổi vở với bạn trong nhóm, đọc thầm (phần tìm ý của bạn, góp ý nhận xét theo hướng dẫn)

+ Thông tin về câu chuyện rõ ràng, đầy đủ.

+ Lí do yêu thích câu chuyện được trình bày thuyết phục, có dẫn chứng cụ thể.

- GV hướng dẫn HS chỉnh sửa.

### 3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn.

**Câu 1:** Khi tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến, bước nào sau đây là quan trọng nhất?

a) Xác định rõ ràng đối tượng mà đoạn văn hướng đến.

b) Liệt kê tất cả những ý nghĩ xuất hiện trong đầu.

c) **Lựa chọn ý chính phù hợp để làm rõ ý kiến, quan điểm.**

d) Sử dụng từ ngữ màu mè, trau chuốt.



**Câu 2:** Câu nào sau đây KHÔNG phải là câu chủ đề của một đoạn văn nêu ý kiến?

- a) Việc đọc sách mang lại rất nhiều lợi ích cho con người.
- b) Tôi hoàn toàn đồng ý với quan điểm "Sống là phải sẻ chia".
- c) **Hôm qua, em đã được bố mẹ cho đi chơi công viên rất vui.**
- d) Theo tôi, việc học ngoại ngữ là vô cùng cần thiết trong thời đại ngày nay.

- HS chơi trò chơi.

- GV nhận xét, tuyên dương những học sinh tìm nhanh theo YC trò chơi.

- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

### TIẾNG VIỆT

#### **BÀI 4: ĐỌC: CÔNG CHÚA VÀ NGƯỜI DẪN CHUYỆN ( Tiết 11 + 12)**

##### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Công chúa và người dẫn chuyện*.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời của mỗi nhân vật trong câu chuyện.
- Nhận biết được đặc điểm của từng nhân vật trong câu chuyện.
- Hiểu được suy nghĩ của nhân vật thông qua lời nói, hành động của nhân vật.
- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cũng như các loài hoa, mỗi người có vẻ đẹp và giá trị riêng.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Biết trân trọng vẻ đẹp và giá trị của những người xung quanh; đánh giá, nhận xét, bày tỏ ý kiến về vẻ đẹp của mỗi người.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

##### **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: File bài giảng.

##### **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

###### **1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')**

- GV hướng dẫn HS lựa chọn một loài hoa, tưởng tượng mình là loài hoa đó để giới thiệu trong nhóm: tên, màu sắc, vẻ đẹp, hương thơm, ích lợi,... (Làm việc nhóm đôi)
- + Đại diện nhóm trình bày trước lớp.
- Trong lời giới thiệu của bạn, em muốn bổ sung điều gì?
- Em thích loài hoa nào? Vì sao?
- GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa trả lời câu hỏi: Tranh vẽ những ai? Họ đang làm gì? Ở đâu?
- HS làm việc nhóm đôi thảo luận về câu hỏi.
- HS chia sẻ đáp án của mình.
- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

###### **2. Hoạt động hình thành kiến thức (20 - 25)**

###### **2.1. Luyện đọc đúng.**

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. VD: *vui lắm, hào hứng, buồn lắm,...*

- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. Đọc phân biệt giọng điệu của các nhân vật trong câu chuyện.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.
- GV chia đoạn: 4 đoạn theo thứ tự:
  - + Đoạn 1: từ đầu đến *vui lắm*.
  - + Đoạn 2: tiếp theo cho đến *nhường vai chính cho bạn*.
  - + Đoạn 3: tiếp theo cho đến *Giết – xi nói*.
  - + Đoạn 4: đoạn còn lại.
- GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *Giết – xi, ngưỡng mộ, sân khấu, xấu hổ,...*
- GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa một số từ:
  - + Ngưỡng mộ: là một cảm xúc xã hội cảm nhận được khi quan sát những người có năng lực, tài năng hoặc kĩ năng vượt quá tiêu chuẩn.
  - + Hào hứng: Cảm thấy có hứng thú mạnh mẽ.
- GV hướng dẫn luyện đọc câu:
 

*Sau bữa trưa, cô giáo thông báo / Giết – xi được chọn đóng vai công chúa trong vở kịch sắp tới; ...*
- GV mời học sinh luyện đọc theo nhóm 4.
- GV nhận xét sửa sai.

## 2.2. HS luyện đọc diễn cảm:

- GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. VD: *vui lắm, hào hứng, buồn lắm,...*
- Mời 4 HS đọc diễn cảm nối tiếp đoạn.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết).
- GV theo dõi sửa sai.
- Thi đọc diễn cảm trước lớp:
  - + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.
  - + GV nhận xét tuyên dương.

## 3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (30 – 35')

### 3.1. Tìm hiểu bài:

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...
- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

**Câu 1:** Tìm các câu văn thể hiện thái độ của Giết – xi đối với mỗi vai diễn được giao?  
 Trả lời: *Vai công chúa: Cảm nhận được ánh mắt ngưỡng mộ của bạn bè, Giết – xi vui lắm. Về nhà, Giết – xi hào hứng kể cho mẹ nghe.*

+ *Vai người dẫn chuyện: Lời cô rất dịu dàng nhưng Giết – xi thấy buồn lắm. Sau không buồn khi phải nhường vai chính cho bạn!*

**Câu 2:** Vì sao Giết – xi buồn khi phải đổi sang vai người dẫn chuyện?

Trả lời: *Giết – xi buồn vì nghĩ rằng vai công chúa mới là vai chính, vai quan trọng / được đóng vai công chúa các bạn mới ngưỡng mộ vì công chúa rất xinh đẹp, còn vai người dẫn chuyện là vai phụ, không quan trọng.*

**Câu 3:** Theo em, mẹ rủ Giết – xi cùng nhỏ cỏ vườn để làm gì?

A. Mẹ muốn dạy cho Giết – xi biết cách làm cỏ vườn.

B. Mẹ muốn Giết – xi biết tên các loại hoa cỏ trong vườn.

C. Mẹ muốn Giết – xi hiểu: Cũng như các loài hoa, mỗi người có vẻ đẹp và giá trị riêng.

D. Mẹ muốn Giết – xi quên đi chuyện đóng kịch.

Trả lời: *Đáp án C: Mẹ muốn Giết – xi hiểu: Cũng như các loài hoa, mỗi người có vẻ đẹp và giá trị riêng.*

**Câu 4:** Đoán xem Giết – xi cảm thấy thế nào khi trò chuyện cùng mẹ?

Trả lời: *Giết – xi hiểu vai công chúa và người dẫn chuyện trong vở kịch đều quan trọng như nhau, mỗi vai có một giá trị riêng. Con người cũng như những loài hoa, mỗi người có một vẻ đẹp và giá trị riêng (Người đóng vai công chúa thể hiện lời nói, hành động của công chúa. Còn người đóng vai người dẫn chuyện có vai trò thông báo thông tin về thời gian, không gian, địa điểm, thậm chí cả về hoàn cảnh sống của nhân vật, kể về những gì xảy ra trong quá khứ hoặc ở bên ngoài sân khấu mà khán giả không trực tiếp nhìn thấy, ...). Giết – xi sẽ cảm thấy không buồn nữa...*

**Câu 5:** Em học được điều gì từ câu chuyện trên?

Trả lời: *Qua câu chuyện, em học được vai diễn nào cũng quan trọng và góp phần làm nên thành công cho vở kịch, vì mỗi vai có một vai trò riêng; Em học được bài học phải ý thức được và biết trân trọng giá trị của mình vì mỗi người đều có vẻ đẹp và những điều đáng quý,...*

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng.

- GV mời HS nêu nội dung bài – HS nêu nội dung bài.

- GV nhận xét và chốt nội dung bài: ***Cũng như các loài hoa, mỗi người có vẻ đẹp và giá trị riêng.***

### 3.2. Luyện đọc diễn cảm:

- GV Hướng dẫn lại cách đọc diễn cảm và đưa ra tiêu chí đọc để HS nhận xét.

- Mời một số học sinh đọc nối tiếp.

- GV nhận xét, tuyên dương.

### 3.3. Luyện tập theo văn bản đọc:

**Bài 1.** GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1: Tìm các danh từ chỉ người trong bài đọc *Công chúa và người dẫn chuyện*.

- Mời học sinh làm việc nhóm 4.

- Các nhóm tiến hành thảo luận.

Các danh từ chỉ người trong bài đọc *Công chúa và người dẫn chuyện* là: công chúa, người dẫn chuyện, Giết – xi, cô giáo, mẹ, bạn bè,...

- Mời đại diện các nhóm trình bày.

- Mời các nhóm khác nhận xét.

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

**Bài 2.** GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2: Viết 2 – 3 câu nêu nhận xét về một nhân vật mà em yêu thích trong câu chuyện trên.

- GV mời cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở.

- Cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở.

- Mời một số HS trình bày kết quả (hoặc thu vở chấm một số em)

### 4. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để củng cố nội dung bài đọc.

- Nội dung trò chơi:

**Câu 1:** Vì sao công chúa buồn bã?

- a) Vì nàng bị lạc đường trong rừng.
- b) **Vì nàng không cười được dù đã xem rất nhiều thứ.**
- c) Vì nàng bị người dẫn chuyện chọc tức.
- d) Vì nàng muốn được gặp hoàng tử.

**Câu 2:** Ai là người đã giúp công chúa vui trở lại?

- a) Nhà vua.
- b) Hoàng hậu.
- c) **Người dẫn chuyện.**
- d) Một chàng hoàng tử.

**Câu 3:** Bài học ý nghĩa nhất mà em rút ra được từ câu chuyện là gì?

- a) **Niềm vui có thể đến từ những điều giản dị xung quanh ta.**
  - b) Công chúa thường hay buồn bã.
  - c) Người dẫn chuyện luôn biết cách làm cho mọi người cười.
  - d) Cần phải biết trân trọng những gì mình đang có.
- HS chia sẻ ý kiến của cá nhân qua câu trả lời của mình.
  - GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.
  - GV nhận xét tiết học, dặn học sinh chuẩn bị bài đọc: Bài 5: Thần lẩn xanh và tắc kè.

#### **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

### **TIẾNG VIỆT**

#### **BÀI 4: VIẾT: VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN ( Tiết 13)**

##### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Viết được cách viết đoạn văn nêu ý kiến (nêu lý do vì sao mình thích câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe).
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết sử dụng câu văn đúng, hay và phù hợp với hoàn cảnh để nêu ý kiến về vẻ đẹp của mỗi người.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

##### **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- **GV:** File bài giảng.
- **HS:** Tranh, hình ảnh về cá nhân mình.

##### **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

###### **1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')**

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.
- Gọi 4 HS bất kì trình bày bức tranh giới thiệu bản thân đã làm ở nhà.
- HS chia sẻ bức tranh của mình.
- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

###### **2. Hoạt động luyện tập thực hành: ( 20 – 25')**

**Đề bài:** Viết đoạn văn nêu lý do thích một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

2.1. Dựa vào các ý đã tìm trong hoạt động Viết ở bài 3, viết đoạn văn nêu lý do yêu thích một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

- GV gọi HS đọc đề bài, xác định yêu cầu trọng tâm.
- GV hướng dẫn HS suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến rồi trao đổi theo nhóm 4.
- GV gọi đại diện 3 nhóm nêu ý kiến.

- GV hướng dẫn HS đọc phần lưu ý.

*Lưu ý:*

+ Chọn cách giới thiệu câu chuyện gây được chú ý và nêu nhận xét, đánh giá chung về câu chuyện.

+ Trình bày rõ các lí do yêu thích câu chuyện và đưa dẫn chứng minh họa.

+ Các câu trong đoạn văn được viết liên tục, không xuống dòng.

## 2.2. Đọc soát và chỉnh sửa bài viết.

- GV hướng dẫn HS cách đọc soát bài viết theo những tiêu chí trong SGK.

Cách mở đoạn

Cách trình bày lí do

Cách kết thúc

Cách dùng từ, đặt câu

Cách thức trình bày đoạn văn

- GV nhận xét, tuyên dương.

## 3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai là người sáng tạo”.

+ GV chuẩn bị một câu chuyện ngắn. Yêu cầu các nhóm đọc và viết ý kiến của nhóm mình về câu chuyện đó (nêu ý kiến thích hoặc không thích, vì sao)

+ Chia lớp nhiều nhóm (tùy số lượng HS)

+ Mời các nhóm trình bày.

- Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét nhóm nào viết đúng, hay sẽ được chọn giải nhất, nhì, ba,...

- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

## IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

### TIẾNG VIỆT

#### BÀI 4: ĐỌC MỞ RỘNG ( Tiết 14)

**Bài: ĐỌC CÂU CHUYỆN VỀ NHỮNG NGƯỜI CÓ NĂNG KHIẾU NỔI BẬT.**

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Tìm đọc câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật, viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

- Biết trao đổi, chia sẻ với bạn về nội dung câu chuyện đã đọc; nhớ tên những câu chuyện của tác giả yêu thích và kể lại cho người thân.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết trân trọng vẻ đẹp và giá trị của những người xung quanh; đánh giá, nhận xét, bày tỏ ý kiến về vẻ đẹp của mỗi người.

- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

##### 1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Kể tên một người mà em biết có tài năng đặc biệt

+ Câu 2: Giới thiệu điều em ngưỡng mộ và học tập ở người đó

- HS làm việc nhóm đôi thảo luận về câu hỏi.

- HS chia sẻ đáp án của mình.



- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

## 2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: ( 20 – 25 ')

### 2.1. Đọc câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật.

- GV gợi ý :
  - + Thần đồng đất Việt
  - + Danh nhân thế giới
- GV mời HS nêu yêu cầu bài tập 1.
- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập gợi thiệu câu chuyện mình đã đọc tên. truyện, tên tác giả đọc ở đâu...
- GV giao nhiệm vụ cho HS suy nghĩ, thực hiện theo hướng dẫn.
- Mời một số nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- Mời HS khác nhận xét.
- GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.

### 2.2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH		
Tên câu chuyện	Tác giả	Ngày đọc
Nội dung chính		
Lí do yêu thích câu chuyện		
Mức độ yêu thích 		

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 2.
  - GV giao nhiệm vụ làm việc theo nhóm 2 thực hiện yêu cầu bài tập 2.
- Viết lại câu chuyện vừa giới thiệu ở bài tập 1 của mình vào phiếu gợi ý.
- HS đọc yêu cầu bài tập 2.
  - Các nhóm làm việc theo yêu cầu.
  - HS trong lớp chia sẻ những nội dung đã ghi trong phiếu đọc sách với các bạn.
  - HS ghi chép các thông tin cơ bản vào phiếu đọc sách hoặc có thể trao đổi về nhân vật, năng khiếu của nhân vật trong câu chuyện theo nhóm.
  - HS chia sẻ trong nhóm, ghi vào phiếu đọc sách các thông tin cơ bản trong phiếu và những lí do yêu thích câu chuyện.
  - GV nhận xét, tuyên dương.

### 2.3. Trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện mà em đã đọc.

- HS trao đổi với các bạn về nội dung câu chuyện đã đọc (VD: Nội dung câu chuyện nói về điều gì? Nhân vật chính trong truyện là ai? Nhân vật đó có năng khiếu gì nổi bật? Em hãy nêu tình cảm, cảm xúc của mình về nhân vật đó,...
- HS làm việc nhóm 3 hoặc nhóm 4, giới thiệu về tác giả cuốn sách, những câu chuyện trong sách,...

## 3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV trao đổi những về những hoạt động HS yêu thích trong bài đọc.
- GV cho HS thực hiện *Kể với người thân một câu chuyện của tác giả mà em yêu thích.*
- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

## IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

.....  
 Câu chuyện tham khảo: *Thành tích học tập "hơn người"*

Nói đến những trẻ Việt Nam có khả năng đặc biệt gần đây không thể không nói đến thần đồng Đỗ Nhật Nam. Sinh ra tại Nhật Bản, 4 tuổi Đỗ Nhật Nam cùng gia đình trở về Việt Nam, trong con mắt của những người thân, cậu chẳng chạch, già trước tuổi nên được gọi với cái tên trìu mến “ông cụ non”.

Nhật Nam từng là gương mặt quen thuộc trong nhiều chương trình dành cho thiếu nhi như Chúc bé ngủ ngon (VTV3), Quả chuông nhỏ, Trò chuyện cùng bé (VTV2).

7 tuổi, Đỗ Nhật Nam đạt kỉ lục là “Dịch giả nhỏ tuổi nhất Việt Nam” với hai cuốn sách Nạpđiện và Câu chuyện của ngày và đêm. Sinh ra trong một gia đình có bố là Đỗ Xuân Thảo là tiến sĩ ngôn ngữ học, mẹ Phan Thị Hồ Điệp là giảng viên khoa Giáo dục đặc biệt nên ngay từ nhỏ, Đỗ Nhật Nam đã đạt được nhiều kì tích trong học tập vì nhờ phương pháp giáo dục phát triển năng lực tư duy toàn diện cùng kỹ năng và kiến thức sư phạm của mẹ. Đồng thời, ở độ tuổi này, Nam cũng đạt điểm tuyệt đối trong các kỳ thi Đại học của Cambridge như Starter, Movers, Flyers khiến nhiều người ngưỡng mộ và đặt cho cậu danh xưng "thần đồng".

Sinh năm 2001 tại Nhật Bản, lên 4 tuổi, Nam cùng gia đình trở về Việt Nam sinh sống và học tập. Từ 8 - 10 tuổi, Nam thường xuyên đạt những điểm số "hơn người", cụ thể 940/990 điểm Toeic, lớp 3 thi ITP đạt 617 điểm, lớp 4 thi Toeic iBT đạt 107 điểm. 11 tuổi, cậu đã viết tự truyện song ngữ Tớ đã học tiếng Anh như thế nào? và trở thành "Người viết tự truyện nhỏ tuổi nhất". Ở độ tuổi còn nhỏ nhưng Nam đã có những bài phát biểu trên những sân khấu lớn của thế giới, cụ thể là đại diện châu Á tham dự Hội nghị Chủ đề "Khoa học về nụ cười" tại Mỹ và tại hội nghị Nha khoa khác do FDI tổ chức tại Ấn Độ.

13 tuổi, Nam du học tại trường Saint Paul (Mỹ), sau đó học tại trường THPT Church Farm School (Bang Pennsylvania). Đặc biệt điểm tổng kết học kỳ của Nhật Nam đều gần như đạt con số tuyệt đối là 99/100. Bên cạnh đó, Nam còn tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa như: chơi bóng rổ, tham gia vào ban nhạc Thánh ca của trường. Trong quá trình học tại Mỹ, Nam liên tục đạt nhiều thành tích học tập và nhận được thư chúc mừng của cựu Tổng thống Barack Obama.

Năm 2015, mẹ của Đỗ Nhật Nam đã vui mừng thông báo trên trang cá nhân con trai đã lọt vào danh sách những học sinh có điểm cao nhất của trường Đại học Johns Hopkins, trong đó điểm Đọc được lọt vào top 5% học sinh chuẩn bị vào đại học có điểm cao nhất nước Mỹ của kì thi ACT (32 điểm).

Tháng 3/2017, Nam đạt giải Ba hạng mục “Nguyên tắc quản trị kinh doanh” trong kỳ thi DECA - sân chơi quy mô toàn quốc dành cho những học sinh, sinh viên đang sống và học tập tại Mỹ trong lĩnh vực tài chính kinh doanh, khách sạn, quản lý. Cuối năm 2018, cậu trúng tuyển Đại học Pomona (Mỹ) với mức hỗ trợ tài chính 71.900 USD/năm (khoảng 6,6 tỷ đồng) cho 4 năm học tại ngôi trường Top 5 tốt nhất tại nước Mỹ. Sau khi tốt nghiệp cấp 3, Nam theo đuổi ngành học Âm nhạc

### **TIẾNG VIỆT CÙNG CÔ**

## **LUYỆN TỪ VÀ CÂU: ÔN TẬP DANH TỪ CHUNG VÀ DANH TỪ RIÊNG** (Tiết 3)

### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Cùng cố kiến thức về danh từ chung, danh từ riêng dựa trên dấu hiệu về ý nghĩa khái quát của chúng.
- Nắm được quy tắc viết hoa danh từ riêng và vận dụng quy tắc đó vào thực tế.

- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng; Phiếu BT

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

### 1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

- GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “Đuổi hình bắt chữ”

- Nội dung trò chơi: GV yêu cầu học sinh quan sát tranh để đưa ra đáp án.

+ Thời gian chơi: 2 phút

- HS chơi trò chơi.

- GV nhận xét, tuyên dương đội thắng.

- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

### 2. Hoạt động luyện tập, thực hành (23 - 25)

#### Hoạt động 1: GV giao cho HS làm bài.

- GV đưa ra yêu cầu: HS đọc phiếu, quan sát yêu cầu của phiếu BT và hoàn thành bài.

- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.

- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

#### Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài chia sẻ kết quả bài làm của mình.

**Bài 1:** Tìm các danh từ trong mỗi đoạn sau và xếp chúng vào hai nhóm.

a) Ác-boa là một thị trấn nhà không có những lâu đài đồ sộ, nguy nga, chỉ thấy những ngôi nhà nhỏ bé, cổ kính và những vườn nho con con. Dòng sông Quy-giăng-xơ hiền hoà lượn quanh thành phố với những chiếc cầu trắng phau. Ông bố dắt con đến gặp thầy giáo để xin học. Thầy Rơ-nê đã già, tóc ngả màu xám, da nhăn nheo, nhưng đi lại vẫn nhanh nhẹn. Thầy cứ lắc đầu chê Lu-i còn bé quá.

(Theo Đức Hoài)

b) Cột cờ Lũng Cú được xây dựng trên đỉnh núi Rồng thuộc xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

Đoạn	Danh từ chung	Danh từ riêng
a		
b		

- HS nêu yêu cầu bài tập.

- HS thảo luận nhóm 4.

- Đại diện nhóm chia sẻ đáp án của nhóm.

- HS, GV lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến. GV chốt đáp án đúng:

Đoạn	Danh từ chung	Danh từ riêng
a	thị trấn, lâu đài, ngôi nhà, vườn nho, dòng, sông, thành phố, chiếc, cầu, ông bố, con, thầy giáo, thầy, tóc, da, đầu.	Ác-boa, Quy-giăng-xơ, Rơ-nê, Lu-i

b	cột cờ, đỉnh núi, xã, huyện, tỉnh.	Lũng Cú, Rông, Đồng Văn, Hà Giang.
---	------------------------------------	------------------------------------

→ GV cách nhận biết danh từ chung và danh từ riêng.

**Bài 2:** Điền vào chỗ trống và cho ví dụ.

*danh từ chung/ danh từ riêng*

a) Tên các tỉnh, thành phố ở nước ta là:

Ví dụ: ....

b) Thôn, xã, phường, huyện, quận, thị xã, tỉnh, thành phố là:

Ví dụ

c) Các từ chỉ hiện tượng tự nhiên là:

Ví dụ: ....

- HS nêu yêu cầu bài tập.
- HS làm bài cá nhân vào vở.
- HS chia sẻ đáp án của cá nhân.
- HS, GV lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

→ GV củng cố kiến thức cách viết danh từ chung và danh từ riêng.

**Bài 3:** Viết đúng và đầy đủ địa chỉ nhà em (số nhà hoặc tên xóm/ thôn bản/ phố/ đường; tên xã hoặc phường; tên huyện hoặc quận; tên tỉnh hoặc thành phố).

- HS nêu yêu cầu bài tập.
- HS làm bài cá nhân vào vở.
- HS chia sẻ đáp án của cá nhân.
- HS, GV lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

**3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')**

- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để củng cố nội dung bài đọc.

**Câu 1:** Từ nào sau đây là danh từ riêng?

- a) Hải Phòng
- b) Sông
- c) Núi
- d) Trường học

**Câu 2:** Trong câu "Mùa thu, hoa sữa thơm ngát cả Hà Nội.", từ nào là danh từ chung?

- a) Mùa thu
- b) Hoa sữa
- c) Hà Nội
- d) Thơm ngát

**Câu 3:** Đặc điểm nào sau đây giúp em phân biệt danh từ riêng và danh từ chung?

- a) Danh từ riêng và danh từ chung đều được viết hoa chữ cái đầu.
- b) **Danh từ riêng thường được viết hoa chữ cái đầu, danh từ chung thì không.**

c) Danh từ riêng chỉ người, danh từ chung chỉ vật.

d) Danh từ riêng là danh từ chỉ một sự vật, hiện tượng; danh từ chung là danh từ chỉ nhiều sự vật, hiện tượng.

- HS chia sẻ ý kiến của cá nhân qua câu trả lời của mình.

- GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét tiết học và dặn học sinh ôn tập về kiến thức Danh từ chung và danh từ riêng.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

---

**TIẾNG VIỆT CÙNG CÔ****VIẾT: VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN ( Tiết 4)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Vận dụng cách viết bài văn nêu ý kiến viết được đoạn văn nêu ý kiến về việc thi đua với bạn trong tổ
- Có kĩ năng quan sát, nhận xét, đánh giá về việc thi đua với các bạn trong tổ, trong lớp.
- HS yêu thích môn học Tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: File bài giảng; Phiếu BT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU****1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')**

- GV tổ chức cho học sinh nhắc lại kiến thức cần ghi nhớ.
- Nội dung trò chơi: + Đoạn văn gồm có mấy phần?  
+ Những lưu ý khi viết đoạn văn nêu ý kiến?
- HS trả lời câu hỏi, chia sẻ hiểu biết của mình.
- GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời câu hỏi.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

**2. Hoạt động luyện tập, thực hành (23 - 25)****Hoạt động 1: GV giao cho HS làm bài.**

- GV đưa ra yêu cầu:

**Đề bài: Viết đoạn văn nêu ý kiến của em về việc thi đua với bạn trong tổ hoặc lớp em:**

- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.
- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs.
- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

**Hoạt động 2: Chữa bài:**

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài chia sẻ kết quả bài làm của mình.

**a. Tìm ý**

- GV yêu cầu đọc yêu cầu của bài và xác định yêu cầu trọng tâm.
- Yêu cầu học sinh đọc phần gợi ý.
- YC HS suy nghĩ, chuẩn bị các ý kiến rồi trao đổi với các bạn theo nhóm bàn dựa vào các câu hỏi gợi ý.
- GV mời 3 học sinh nêu ý kiến.

**b. Viết đoạn văn**

- Yêu cầu học sinh dựa vào phần tìm ý viết đoạn văn
- GV gọi 4-5 em đọc đoạn văn trước lớp.
- Yêu cầu học sinh nhận xét bài làm của bạn.
- GV nhận xét, sửa lỗi dùng từ và đặt câu cho các em.
- GV thu vở chấm bài cho 1 số em
- Nhận xét chung về bài làm của cả lớp. Khen ngợi các em làm bài tốt. Lưu ý các lỗi học sinh hay mắc phải

**3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')**

- GV tổ chức trò chơi “ Ai nhanh hơn” để củng cố nội dung bài đọc.

**Câu 1:** Dạng câu hỏi mở rộng thường bắt đầu bằng những từ hỏi nào?



- a) Ai? Cái gì?
- b) Ở đâu? Bao giờ?
- c) **Vì sao? Như thế nào?**
- d) Tất cả các đáp án trên.

**Câu 2:** Câu hỏi mở rộng trong đoạn văn nêu ý kiến có tác dụng gì?

- a) Giới thiệu được nhiều sự vật, hiện tượng hơn.
- b) Giúp người viết kể chuyện được dài hơn.
- c) **Giúp người viết nêu được ý kiến chi tiết và đầy đủ hơn.**
- d) Thay thế cho câu chủ đề.

**Câu 3:** Trong các câu sau, câu nào là câu hỏi mở rộng phù hợp để viết đoạn văn nêu ý kiến về chủ đề "Lợi ích của việc đọc sách"?

- a) Bạn thích đọc sách gì nhất?
- b) **Vì sao chúng ta cần phải đọc sách thường xuyên?**
- c) Bạn đã đọc được bao nhiêu cuốn sách rồi?
- d) Bạn có thường xuyên đến thư viện không?
- HS chia sẻ ý kiến của cá nhân qua câu trả lời của mình.
- GV, HS lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV nhận xét tiết học và dặn học sinh ôn tập về kiến thức để viết đoạn văn nêu ý kiến.

#### **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

\*\*\*\*\*

### TOÁN SỐ CHẴN, SỐ LẺ (Tiết 6)

#### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Hiểu thế nào là số chẵn, số lẻ.
- Nắm được dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ.

#### **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Máy tính, ti vi, phiếu bài 1.
- Học sinh: SGK, vở ghi.

#### **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

##### **1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')**

- GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi:
  - + Tranh vẽ gì?
  - + Hai bạn Mai và Rô-bốt nói chuyện gì với nhau?
  - + Trong toán học, làm thế nào để nhận biết số chẵn, số lẻ? (Câu hỏi mở)
- HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ.
- + Tranh vẽ dãy phố có nhà ở liền kề nhau
- + Hai bạn đang nói tới các chữ số ở hai bên dãy nhà, một dãy là số chẵn, dãy còn lại đánh số lẻ.
- HS suy ngẫm.
- GV giới thiệu – ghi bài.

##### **2. Hoạt động khám phá (8 – 10')**

- Theo các em, có cách nào để nhận biết số chẵn, số lẻ không?
- HS trả lời. (Lấy số đó chia cho 2, số chia hết cho 2 là số chẵn, số không chia hết cho 2 là số lẻ)
- Yêu cầu HS lấy ví dụ.

- HS nêu. (VD: 8 chia hết cho 2, 6 chia hết cho 2; 7 không chia hết cho 2, 5 không chia hết cho 2  $\Rightarrow$  Như vậy 8, 6 là số chẵn; 7, 5 là số lẻ)
- GV khuyến khích HS lấy thêm nhiều ví dụ ở chữ số có hai chữ số, ba chữ số,...
- HS lấy thêm nhiều ví dụ khác.
- Từ ví dụ của HS, GV dẫn dắt tới kết luận:
- HS lắng nghe.
- + Các số có chữ số tận cùng là 0,2,4,6,8 là các số chẵn.
- + Các số có chữ số tận cùng là 1,3,5,7,9 là các số lẻ.
- Yêu cầu HS lấy ví dụ về số chẵn, số lẻ.
- Nối tiếp HS nêu.
- Em hãy nêu lại dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ?
- 2-3 HS nêu.
- GV tuyên dương, khen ngợi HS.

### **3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 – 15')**

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 13/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chú bài.

#### **Bài 1.**

- Gọi HS đọc yêu cầu..
  - GV phát phiếu, yêu cầu HS khoanh bút chì vào số chẵn, bút mực vào số lẻ.
  - HS thực hiện.
  - Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.
  - HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp.
  - GV hỏi: Làm thế nào em tìm được số chẵn, số lẻ?
  - HS trả lời.
  - + Các số 12, 108, 194, 656, 72 có các chữ số tận cùng lần lượt là 2,8,4,6,2  $\rightarrow$  là số chẵn.
  - + Các số 315, 71, 649, 113, 107 có các chữ số tận cùng lần lượt là 5, 1, 9, 3, 7  $\rightarrow$  là số lẻ.
  - GV nhận xét chung, tuyên dương HS.
- \*GV kết luận: Củng cố cách xác định số chẵn, số lẻ.**

#### **Bài 2.**

- Gọi HS đọc yêu cầu.
- Tìm số chẵn, số lẻ trên tia số.
- GV gọi HS nêu số chẵn nối tiếp.
- HS nêu. (các số: 0, 2, 4, 6, 8, 10, 12)
- Vì sao em xác định các số đó là số chẵn?
- Vì các số đó chia hết cho 2.
- GV gọi HS nêu số lẻ nối tiếp.
- HS nêu. (các số: 1, 3, 5, 7, 9, 11)
- Vì sao em xác định các số đó là số lẻ?
- Vì các số đó không chia hết cho 2
- Từ 0 đến 12 có bao nhiêu số chẵn, bao nhiêu số lẻ?
- HS nêu: có 7 số chẵn, 6 số lẻ
- GV khen ngợi HS.

#### **Bài 3.**

- Gọi HS đọc yêu cầu.

- Tìm xem có bao nhiêu số chẵn, bao nhiêu số lẻ từ 10 đến 31.
- Gọi HS nêu cách làm.
- HS nêu. (vẽ tia số sau đó đếm)
- Yêu cầu HS làm việc nhóm đôi.
- HS thảo luận theo cặp.
- Yêu cầu HS báo cáo kết quả.
- HS chia sẻ đáp án. (Có 11 số chẵn, 11 số lẻ)
- GV cùng HS nhận xét.

### 3. Hoạt động Củng cố (3 – 5')

- Nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ?
- HS nêu.
- Nhận xét tiết học.

## IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

---

### TOÁN

#### LUYỆN TẬP (Tiết 7)

### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Củng cố cách nhận biết số chẵn, số lẻ; nhận biết hai số chẵn liên tiếp, hai số lẻ liên tiếp.
- Vận dụng vào giải các bài tập, bài toán thực tế.

### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài 2.
- HS: sgk, vở ghi.

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

#### 1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- Nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ?
- Xác định số chẵn, số lẻ trong các số: 123, 324, 56, 78, 215.
- HS trả lời.
- Hs nêu.
- GV giới thiệu - ghi bài.

#### 2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 - 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4, 5 (Trang 13/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

#### Bài 1:

- Gọi HS đọc yêu cầu.
- HS đọc.
- Bài yêu cầu làm gì?
- Con ong bay đến bông hoa màu nào nếu bay theo đường ghi số chẵn, nếu bay theo đường ghi số lẻ.
- GV yêu cầu HS quan sát, trả lời.
- HS thực hiện.
- a) Bay đến bông hoa màu xanh
- b) Bay đến bông hoa màu vàng
- Làm sao để xem xác định được màu bông hoa ghi số chẵn, màu bông hoa ghi số lẻ?
- HS trả lời. (dựa vào dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ. Chữ số 6408 có chữ số tận cùng là 8 → số chẵn); chữ số 1965 có chữ số tận cùng là 5 → số lẻ)

- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.

**\*GV kết luận: Củng cố cách xác định số chẵn, số lẻ.**

**Bài 2:**

- Gọi HS đọc yêu cầu.

- Nêu số nhà còn thiếu và dãy số chẵn và dãy số lẻ.

- Yêu cầu HS làm phiếu sau đó đổi chéo.

a) 116, 118, 120, 122, 124, 126

b) 117, 119, 121, 123, 125, 127

- HS nêu. (Cứ 1 số nhà chẵn, đối diện với nó là 1 số lẻ, giống như Mai và Rô-bốt đã tìm hiểu ở dãy phố bài học trước)

**\* GV kết luận: Củng cố dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ.**

**Bài 3.**

- Gọi HS đọc yêu cầu.

- HS làm bài cá nhân.

a) ...2 đơn vị (lấy  $118 - 116 = 2$ )

...2 đơn vị (lấy  $119 - 117 = 2$ )

- Để tìm được 2 số chẵn liên tiếp hoặc 2 số lẻ liên tiếp ta làm cách nào?

(Ta cộng thêm 2).

- GV gọi HS trả lời và nêu cách làm ý b)

b) 78, 80, 82 (cộng thêm 2)

67, 69, 71 (cộng thêm 2)

**\*GV kết luận: hai số chẵn liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị; hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị. Để tìm được 2 số chẵn liên tiếp hoặc 2 số lẻ liên tiếp ta lấy số đó cộng thêm 2.**

**Bài 5.**

- HS đọc yêu cầu.

- Lập số chẵn và số lẻ có 2 chữ số từ các số 7,4,5.

- HS làm việc nhóm đôi.

- HS thảo luận theo cặp.

+ Số chẵn: 74, 54.

+ Số lẻ: 47, 45, 75, 57.

- Dựa vào đâu em lập được các số chẵn, các số lẻ? (chữ số tận cùng là 4  $\rightarrow$  số chẵn; chữ số tận cùng là 5, 7  $\rightarrow$  số lẻ)

- GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương.

**3. Hoạt động Củng cố (3 – 5')**

- Nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ?

- Hai số chẵn liên tiếp, hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau mấy đơn vị?

- Nhận xét tiết học.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

---

**TOÁN**

**BÀI 4: BIỂU THỨC CHỨA CHỮ (Tiết 8)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết được biểu thức chứa chữ ( $2 + a$  là biểu thức chứa chữ).

- Biết cách tính giá trị của biểu thức chứa chữ với mỗi giá trị của chữ, vận dụng giải được các bài tập 1, 2, 3 ở phần hoạt động.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phần màu, máy chiếu, bài giảng điện tử

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU.

### 1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- GV tổ chức cho HS hát tập thể.

- GV giới thiệu vào bài.

### 2. Hoạt động Khám phá (8 – 10')

- GV yêu cầu HS tính ra nháp

- GV đưa tình hình từ chuyện gắp thuyền của Nam, Việt, Mai đưa ra biểu thức chứa chữ  $2 + a$ .

- Nếu  $a = 4$  thì  $2 + a = 2 + 4 = 6$ . 6 là một giá trị của biểu thức  $2 + a$

- Nếu  $a = 12$  thì  $2 + a = 2 + 12 = 14$ , 14 là giá trị của biểu thức  $2 + a$ .

Mỗi lần thay chữ  $a$  bằng một số ta tính được một giá trị của biểu thức  $2 + a$

=> Kết luận: Qua ví dụ trên các em có thể thấy được  $2 + a$  chính là một bài toán lớp 4 biểu thức có chứa một chữ. Mỗi lần thay chữ số  $a$  bằng một số, ta được một giá trị mới của biểu thức  $4 + n$ .

- Dựa vào ví dụ GV cho HS làm câu b.

b) Tính giá trị của biểu thức  $40 - b$  với  $b = 15$ .

- GV hướng dẫn HS thực hiện tương tự. Có thể thay đổi ngữ liệu.

$$40 - b = 40 - 15$$

$$= 25.$$

-> Chốt Cách tính giá trị biểu thức có chứa một chữ.

B1: Xác định giá trị của chữ ( $a, b, c, x, y, z, \dots$ ) xuất hiện trong biểu thức từ đề bài đã cho.

B2: Thay giá trị tương ứng của chữ số đó vào biểu thức ban đầu.

B3: Thực hiện phép tính giá trị biểu thức (nhân chia trước, cộng trừ sau, trong ngoặc trước ngoài ngoặc sau).

B4: Đưa ra kết quả và kết luận.

- GV cho HS trình bày và nhận xét.

- GV nhận xét, chốt kết luận.

### 3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 - 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3 (Trang 15/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

#### Bài 1. Tính giá trị biểu thức:

- HS đọc yêu cầu bài tập.

- GV cho HS làm việc theo nhóm đôi.

- GV mời các nhóm trình bày.

Đáp án:

$$\begin{aligned} \text{a) } 125 : m &= 125 : 5 \\ &= 25 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } (b + 4) \times 3 &= (27 + 4) \times 3 \\ &= 31 \times 3 \\ &= 93 \end{aligned}$$

- Mời các nhóm khác nhận xét.

- GV nhận xét chung, tuyên dương.



**\*GV kết luận: Củng cố cách tính giá trị biểu thức có chứa chữ.**

### Bài 2.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV yêu cầu HS áp dụng công thức tính chu vi hình vuông để tính được chu vi hình vuông.
- HS làm cá nhân.

Đáp án:

$$P = 5 \times 4 = 20 \text{ (cm)}$$

$$P = 9 \times 4 = 36 \text{ (cm)}$$

- $P = a \times 4$  là biểu thức có chứa một chữ.
- GV cho HS nhận xét và chốt đáp án đúng.
- GV nhận xét, tuyên dương.

### Bài 3.

- Gọi HS đọc đề bài.
- Yêu cầu HS tự giải vào vở.
- 4 HS chia sẻ trước lớp.

Đáp án:

- Giá trị của biểu thức  $35 + 5 \times a$  với  $a = 2$  là 45 ( $P = 35 + 5 \times 2 = 35 + 10 = 45$ ).
- Giá trị của biểu thức  $35 + 5 \times a$  với  $a = 5$  là 60 ( $P = 35 + 5 \times 5 = 35 + 25 = 60$ ).
- Giá trị của biểu thức  $35 + 5 \times a$  với  $a = 6$  là 65 ( $P = 35 + 5 \times 6 = 35 + 30 = 65$ ).
- Giá trị của biểu thức  $35 + 5 \times a$  với  $a = 7$  là 70 ( $P = 35 + 5 \times 7 = 35 + 35 = 70$ ).
- Gọi HS nhận xét.
- GV kiểm tra bài làm, nhận xét.

**\*GV kết luận: Củng cố cách tính giá trị biểu thức chứa chữ.**

### 4. Hoạt động Củng cố (3 – 5')

- Nêu các bước giải bài toán có chứa chữ (Gồm có 4 bước)
- B1: Xác định giá trị của chữ (a,b,c,x,y,z,...) xuất hiện trong biểu thức từ đề bài đã cho.
- B2: Thay giá trị tương ứng của chữ số đó vào biểu thức ban đầu.
- B3: Thực hiện phép tính giá trị biểu thức (nhân chia trước, cộng trừ sau, trong ngoặc trước ngoài ngoặc sau)
- B4: Đưa ra kết quả và kết luận
- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

## TOÁN

### BÀI 4: BIỂU THỨC CHỨA CHỮ (Tiết 9)

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được biểu thức chứa hai chữ và tính được giá trị của biểu thức chứa hai chữ.
- Vận dụng giải bài toán tính chu vi hình chữ nhật và các bài toán liên quan khác.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Phấn màu, máy chiếu, bài giảng điện tử.
- Học sinh: SGK.

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU.

##### 1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- GV cho HS chơi trò chơi “Đi tìm kho báu”.

Câu 1. Biểu thức nào có chứa một chữ?

A.  $30 + 15$

B.  $a + 15$

C.  $135 : 5$

Đáp án: B

Câu 2. Giá trị của biểu thức  $a + 16$  với  $a = 20$  là:

A. 35    B. 20    C. 5

Đáp án: A

Câu 3. Với  $n = 10$  thì giá trị của biểu thức  $n \times 5 + 24$  là:

A. 50    B. 34    C. 74

Đáp án: C

Câu 4. Biểu thức khác với các biểu thức còn lại là:

A.  $m : 9$

B.  $a + b$

C.  $Y - 75$

Đáp án: B

- GV nhận xét, đánh giá.

- GV dẫn dắt vào bài mới bằng câu 4.

- GV giới thiệu vào bài.

## **2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 - 25')**

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Trang 16, 17/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

### **Bài 1.**

- HS làm bài cá nhân.

- GV cho HS trình bày và nhận xét.

Đáp án:

- Với  $a = 25$  cm,  $b = 16$  cm.

Chu vi hình chữ nhật là:

$$(25 + 16) \times 2 = 82 \text{ (cm)}.$$

- Với  $a = 34$  cm,  $B = 28$  cm.

Chu vi hình chữ nhật là:

$$(34 + 28) \times 2 = 124 \text{ (cm)}.$$

- GV nhận xét, chốt kết luận

**\*GV kết luận: Củng cố cách tính giá trị biểu thức chứa hai chữ dựa vào công thức tính chu vi hình chữ nhật.**

### **Bài 2.**

- GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập.

a)  $a + b \times 2$

b)  $(a + b) : 2$

- GV hỏi: Các biểu thức trong bài 2 là biểu thức gì? (Biểu thức có chứa hai chữ).

- GV cho HS làm bài cá nhân.

- Đôi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

Đáp án:

- Với  $a = 539$ ,  $b = 243$ , ta có:

$$a + b \times 2 = 539 + 2 \times 243$$

$$= 539 + 486$$

$$= 1025$$

- Với  $a = 15$ ,  $b = 27$ , ta có

$$\begin{aligned}(a + b) : 2 &= (15 + 27) : 2 \\ &= 32 : 2 \\ &= 16\end{aligned}$$

- GV nhận xét, tuyên dương.

**\* GV kết luận: Cách tính giá trị biểu thức có chứa hai chữ.**

### **Bài 3.**

- Gọi HS đọc đề bài.

- GV hướng dẫn phân tích đề toán.

Tính độ dài quãng đường ABCD (tính độ dài đường gấp khúc).

+ Bài toán cho biết gì? (Độ dài quãng đường ABCD có giá trị biểu thức  $m + 6 + n$  với a)  $m = 4$ ,  $n = 7$  và b)  $m = 5$ ,  $n = 9$ .)

+ Bài toán hỏi gì? (Hỏi quãng đường ABCD dài bao nhiêu km?)

- HS làm bài cá nhân.

- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

- GV mời các HS khác nhận xét bài trên bảng.

### **Bài giải**

a) Độ dài quãng đường ABCD là:

$$4 + 6 + 7 = 17 \text{ (km)}$$

b) Độ dài quãng đường ABCD là:

$$5 + 6 + 9 = 20 \text{ (km)}$$

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

**\*GV kết luận: Cách giải bài toán có liên quan đến biểu thức có chứa hai chữ.**

### **Bài 4.**

- HS đọc đề bài.

- HS làm nhóm đôi.

### **Đáp án:**

- Với  $m = 0$ , giá trị của biểu thức

$$\begin{aligned}12 : (3 - m) &= 12 : (3 - 0) \\ &= 12 : 3 \\ &= 4\end{aligned}$$

- Với  $m = 1$ , giá trị của biểu thức

$$\begin{aligned}12 : (3 - m) &= 12 : (3 - 1) \\ &= 12 : 2 \\ &= 6\end{aligned}$$

- Với  $m = 2$ , giá trị của biểu thức

$$\begin{aligned}12 : (3 - m) &= 12 : (3 - 2) \\ &= 12 : 1 \\ &= 12\end{aligned}$$

b) Với giá trị nào của  $a$  thì biểu thức  $12 : (3 - m)$  có giá trị lớn nhất?

### **Cách 1:**

Nhận xét:  $3 - a$  khác 0,  $a$  không thể là 3,  $a$  bé hơn 3 để 3 trừ được cho  $a$ .

Vậy  $a$  chỉ có thể là  $a = 0$ ,  $a = 1$ ,  $a = 2$ .

+ Với  $a = 0$  thì  $12 : (3 - a) = 12 : (3 - 0) = 4$

+ Với  $a = 1$  thì  $12 : (3 - a) = 12 : (3 - 1) = 6$

+ Với  $a = 2$  thì  $12 : (3 - a) = 12 : (3 - 2) = 12$

Mà  $12 > 6 > 4$ , vậy với  $a = 2$  thì biểu thức  $12 : (3 - a)$  có giá trị lớn nhất.

Cách 2:

Nhận xét: Trong phép chia  $12 : (3 - a)$ , số bị chia 12 không đổi, số chia  $(3 - a)$  càng bé thì thương càng lớn.

Do đó thương của 12 chia cho  $(3 - a)$  lớn nhất khi  $(3 - a)$  bé nhất có thể, khi đó  $3 - a = 1$  hay  $a = 2$ .

Vậy với  $a = 2$  thì biểu thức  $12 : (3 - a)$  có giá trị lớn nhất.

- GV cho HS trình bày.

- GV chốt, nhận xét, tuyên dương nhóm làm đúng.

### 3. Hoạt động Củng cố (3 - 5')

- GV cho HS nêu các bước giải bài toán có chứa hai chữ (Gồm có 4 bước)

B1: Xác định giá trị của hai chữ xuất hiện trong biểu thức từ đề bài đã cho.

B2: Thay giá trị tương ứng của hai chữ đó vào biểu thức ban đầu.

B3: Thực hiện phép tính giá trị biểu thức.

B4: Đưa ra kết quả và kết luận.

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

## TOÁN

### BÀI 4: BIỂU THỨC CHỨA CHỮ (Tiết 10)

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được biểu thức chứa hai chữ và tính được giá trị của biểu thức chứa ba chữ.
- Vận dụng thực hành tính giá trị của biểu thức chứa ba chữ vào các bài tập cơ bản, củng cố và phát triển năng lực.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Phần màu, máy chiếu, file bài giảng.
- Học sinh: SGK, vở.

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU.

##### 1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- GV cho HS chơi trò chơi: “Tìm nhà cho thỏ”.

Câu 1. Tính giá trị của  $a + b$  nếu  $a = 215$  và  $b = 138$ .

Đáp án: Nếu  $a = 215$  và  $b = 138$  thì  $a + b = 215 + 138 = 353$ .

Câu 2. Mỗi lần thay chữ bằng số thì ta tính được gì?

Đáp án: Mỗi lần thay chữ bằng số thì ta tính được một giá trị của biểu thức  $a + b$ .

GV nhận xét, đánh giá.

- GV dẫn dắt vào bài mới bằng câu 4.

- GV giới thiệu vào bài.

##### 2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 - 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2 (Trang 17/SGK), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

##### Bài 1.

- HS làm bài cá nhân.
- HS sử dụng công thức  $P = a + b + c$  (như là tính giá trị của biểu thức chứa ba chữ).
- HS chia sẻ trước lớp.
- GV nhận xét, chốt kết luận.

Đáp án:

a)  $62 + 75 + 81 = 218 \text{ cm}$

b)  $50 + 61 + 72 = 183 \text{ dm}$

**Bài 2.**

- HS đọc yêu cầu bài tập.

- Tính giá trị của biểu thức (A), (B), (C), (D) với  $m = 9$ ,  $n = 6$ ,  $p = 4$  rồi so sánh kết quả. Từ đó tìm ra hai biểu thức nào có giá trị bằng nhau?

Biết:  $m - (n - p) = m - n + p$

và  $m \times (n - p) = m \times n - m \times p$ .

- HS làm bài cá nhân.

- Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

Đáp án:

- Giá trị của biểu thức (A) bằng giá trị của biểu thức (D).

- Giá trị của biểu thức (B) bằng giá trị của biểu thức (C).

- GV nhận xét, tuyên dương.

**\*GV kết luận: Cách giải bài toán có liên quan đến biểu thức có chứa ba chữ.**

**3. Hoạt động Củng cố (3 – 5')**

- GV tổ chức trò chơi

- GV hướng dẫn luật chơi

- GV cho HS chơi trò chơi “Hái bưởi”.

- Cách chơi:

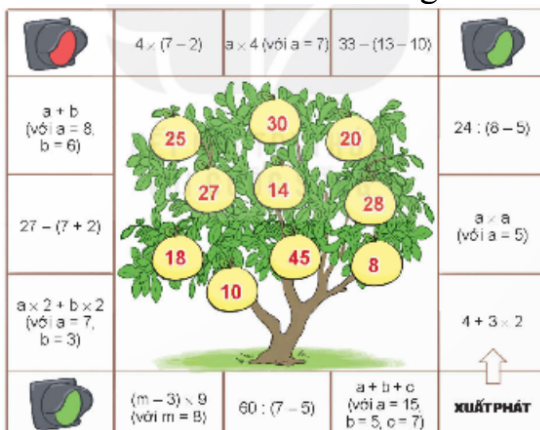
+ Chơi theo cặp.

+ Người chơi bắt đầu từ ô XUẤT PHÁT. Khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc. Di chuyển số ô bằng số chấm ở mặt trên xúc xắc.

+ Nêu giá trị biểu thức ở ô đi đến. Nếu đúng thì hái được quả bưởi ghi số là giá trị của biểu thức đó. Nếu sai thì phải quay trở về ô xuất phát trước đó.

+ Nếu đến ô có đèn xanh thì được gieo xúc xắc để đi tiếp. Nếu đến ô có đèn đỏ thì dừng lại một lượt, nhường lượt chơi cho người khác.

+ Trò chơi kết thúc khi có người hái được 5 quả bưởi.



- Tổng kết trò chơi

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

**TOÁN TƯ DUY**  
**TƯ DUY SỐ HỌC (2 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS lập, viết được các số trong phạm vi 100 000 từ các chữ số đã cho;



- Biết tìm các số thỏa mãn một điều kiện cho trước, trong đó có thay đổi thứ tự chữ số, dấu hiệu chia hết cho 5, ...
- Học sinh tư duy một số bài toán về hình ảnh nhưng liên qua đến số và chữ số.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: File bài giảng, phiếu học tập

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

### 1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

Khởi động bằng video tên trộm tìm mật mã để mở khóa. Biết mật mã trên bảng là:

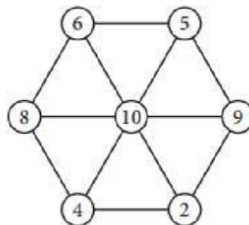
3	12	4
6	42	7
?	36	9
8	?	7

- Hãy điền số còn thiếu.
- HS trả lời, giáo viên nhận xét và dẫn dắt vào bài học.

### 2. Hoạt động thực hành, vận dụng (15 – 20')

Mỗi nhóm có thời gian 10 phút để thảo luận và làm bài:

Câu 1. Cho hình dưới đây, hỏi tổng của 3 số ở 3 đỉnh của một tam giác có giá trị bé nhất bằng bao nhiêu?



- HS suy nghĩ và trả lời nhanh
- GV nhận xét, tuyên dương

#### \*GV kết luận :

Câu 2. Các số được đặt trong các ô vuông của bảng dưới đây sao cho tổng của các số trên các hàng và các cột đều bằng nhau. Số còn thiếu trong hai ô vuông là các số nào?

7	6	?
?	8	4
5	10	9

Câu 3. Từ 3 chữ số 2, 3, 8 ta lập được 1 số có 2 chữ số khác nhau là B. Tìm số . Từ 2 chữ số 2, 8 ta lập được

- HS suy nghĩ lập luận vào nháp. Giáo viên
- Giáo viên gọi học sinh lên làm và chấm chữa.
- GV nhận xét, tuyên dương

#### \*GV kết luận: Cách lập số và biện luận bài toán thỏa mãn đề bài cho trước

Câu 4. Số 540 thay đổi như thế nào nếu:

- Xoá bỏ chữ số 0
- Xoá bỏ chữ số 5
- Thay chữ số 4 bởi chữ số 8
- Đổi chữ số 4 và chữ số 0 cho nhau

- HS suy nghĩ lập luận vào nháp. Giáo viên quan sát hs làm.
- Giáo viên gọi học sinh lên làm và chấm chữa.
- GV nhận xét, tuyên dương

#### \*GV kết luận: Các số sẽ thay đổi khi đề bài bắt thực hiện một yêu cầu.

Câu 5. Tìm 1 số có 4 chữ số, biết rằng chữ số hàng trăm gấp 3 lần chữ số hàng chục và gấp đôi chữ số hàng nghìn, đồng thời số đó là số lẻ chia hết cho 5.

- HS suy nghĩ lập luận vào nháp. Giáo viên quan sát hs làm.
- Giáo viên gọi học sinh lên làm và chấm chữa.
- GV nhận xét, tuyên dương

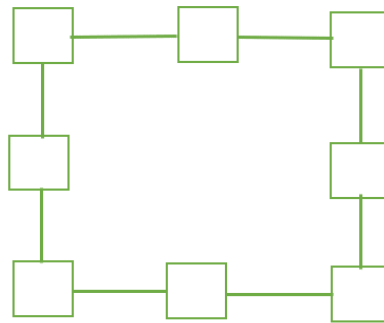
**\*GV kết luận: Cách lập số thỏa mãn đề bài và dấu hiệu chia hết cho 5.**

### 3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

« Ai nhanh hơn ? »

Cho học sinh thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi :

Em có thể đặt 32 quả bóng vào những chiếc hộp sau sao cho tổng số bóng ở mỗi hàng bằng nhau được không?



- Sau khi hết thời gian HS từng nhóm bạn sẽ nhận xét.
- Giáo viên tổng kết và tuyên dương.

từng nhóm và các

### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

## TOÁN CÙNG CỘ

### ÔN TẬP: SỐ CHẴN, SỐ LẺ (Tiết 4)

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Củng cố cách nhận biết số chẵn, số lẻ; nhận biết hai số chẵn liên tiếp, hai số lẻ liên tiếp.
- Vận dụng vào giải các bài tập, bài toán thực tế,

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Phiếu bài tập, máy chiếu, bài giảng điện tử.
- Học sinh: Đồ dùng học tập.

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU.

##### 1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- Nhảy tập thể bài “Chiến binh xanh”.
- GV giới thiệu vào bài.

##### 2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 - 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Phiếu bài tập), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

**Bài 1.** Cho 3 chữ số 2, 4, 7. Hãy lập tất cả các số chẵn có 3 chữ số từ các chữ số đã cho.

- HS làm bài cá nhân.
- GV cho HS trình bày và nhận xét.

**Đáp án:** 274, 472, 742, 724

- GV nhận xét, chốt kết luận

**\*GV kết luận: Củng cố cách lập số từ những chữ số cho trước..**

**Bài 2.** Từ 1 đến 100 có bao nhiêu số lẻ, bao nhiêu số chẵn? Bao nhiêu số lẻ?

- HS đọc đề bài.
- HS làm nhóm đôi.

**Đáp án:**

- Từ 1 đến 100 có số số chẵn là:  $(100 - 2) : 2 + 1 = 50$  số chẵn
- Từ 1 đến 100 có số số lẻ là:  $(99 - 1) : 2 + 1 = 50$  số lẻ ( hoặc  $100 - 50 = 50$  số)
- GV cho HS chia sẻ.
- GV chốt, nhận xét, tuyên dương nhóm làm đúng.

**Bài 3.** Tìm 3 số lẻ liên tiếp biết tổng của 3 số đó bằng 831?

- HS làm bài cá nhân.
- Đại diện nhóm lên chia sẻ kết quả.
- GV nhận xét chốt đáp án.

**Đáp án:**

Gọi số lẻ cần tìm là a, Ta có 3 số lẻ liên tiếp là a, a + 2 a + 4

Ta có:  $a + a + 2 + a + 4 = 831$

$$a \times 3 + 6 = 831$$

$$a \times 3 = 825$$

$$a = 275$$

Vậy 3 số lẻ liên tiếp là 275, 277, 279

- GV nhận xét, tuyên dương.

**\* GV kết luận: Cũng cố tìm dãy số lẻ.**

**Bài 4.** Tìm hai số chẵn có tổng bằng 300 và giữa chúng có 4 số lẻ?

- Gọi HS đọc đề bài.
- GV hướng dẫn phân tích đề toán.
- HS làm bài cá nhân.
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- GV mời các HS khác nhận xét bài.

**Bài giải**

Có tất cả 4 số lẻ liên tiếp tạo thành 3 khoảng cách là 2 đơn vị và từ 1 số chẵn đến 1 số lẻ liên tiếp hơn kém nhau 1 đơn vị.

Vậy hiệu của hai số:  $1 + 2 \times 3 + 1 = 8$

Số lớn là:  $(300 + 8) : 2 = 154$

Số bé là:  $300 - 154 = 146$

Vậy hai số cần tìm là 154 và 146

- GV nhận xét chung, tuyên dương..

**3. Hoạt động Cũng cố ( 3 – 5’)**

Bài toán: Tìm một số chẵn có 2 chữ số mà tổng 2 chữ số là số nhỏ nhất có 2 chữ số khác nhau đều lẻ và chữ số hàng chục nhỏ hơn chữ số hàng đơn vị.- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

## **TOÁN CÙNG CỐ**

### **ÔN TẬP VỀ BIỂU THỨC CHỨA CHỮ (Tiết 5)**

#### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết cách tính giá trị của biểu thức chứa chữ với mỗi giá trị của chữ.

- Vận dụng giải bài toán tính chu vi các hình đã học và các bài toán liên quan khác.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Phiếu bài tập, máy chiếu, bài giảng điện tử.

- Học sinh: Đồ dùng học tập.

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU.

### 1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- Nhảy tập thể bài “Trạng Tý”.

- GV giới thiệu vào bài.

### 2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 - 25')

- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Phiếu bài tập), GV hướng dẫn HS kết hợp chăm chữa bài.

#### Bài 1.

Tính giá trị của biểu thức :

a.  $a + 45$  với  $a = 18$

b.  $24 : b$  với  $b = 8$

c.  $(c - 7) \times 5$  với  $c = 18$

- HS làm bài cá nhân.

- GV cho HS trình bày và nhận xét.

Đáp án:

a. Nếu  $a = 18$  thì  $a + 45 = 18 + 45 = 73$

b. Nếu  $b = 24$  thì  $24 : b = 24 : 8 = 3$

c. Nếu  $c = 18$  thì  $(c - 7) \times 5 = (18 - 7) \times 5 = 55$

- GV nhận xét, chốt kết luận

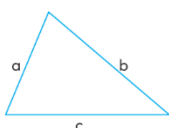
**\*GV kết luận: Củng cố cách tính giá trị biểu thức chứa hai chữ dựa vào công thức tính chu vi hình chữ nhật.**

**Bài 2. Độ dài các cạnh của tam giác là a, b, c.**

**Gọi P là chu vi của tam giác.**

**Công thức tính chu vi của tam giác là  $P = a + b + c$**

a	3 cm	8 dm	9 m
b	4 cm	8 dm	9 m
c	5 cm	6 dm	9 m
P	?	?	?



- HS làm bài theo nhóm 4.

- Đại diện nhóm lên chia sẻ kết quả.

- GV nhận xét chốt đáp án.

Đáp án:

12 cm, 22dm, 27m

- GV nhận xét, tuyên dương.

**\* GV kết luận: Củng cố cách tính chu vi tam giác thông qua biểu thức có chứa 3 chữ.**

**Bài 3. Tính giá trị biểu thức:**

a.  $8\,465 \times c + (7\,864 + 12\,343)$  với c là số lớn nhất nhỏ hơn số lớn nhất có một chữ số 2 đơn vị.

b.  $78\,435 + m \times 6$  với m là số lớn nhất nhỏ hơn 10\,000.

- Gọi HS đọc đề bài.

- GV hướng dẫn phân tích đề toán.

- HS làm bài cá nhân.
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- GV mời các HS khác nhận xét bài.

**Bài giải**

- a. Số nhỏ hơn số lớn nhất có một chữ số 2 đơn vị là 7.

$$\begin{aligned}\text{Nếu } c = 7 \text{ thì } 8\,465 \times c + (7\,864 + 12\,343) &= 8\,465 \times 7 + (7\,864 + 12\,343) \\ &= 79\,464\end{aligned}$$

- b. Số lớn nhất nhỏ hơn 10 000 là 9 999

$$\text{Nếu } m = 9\,999 \text{ thì } 78\,435 + m \times 6 = 78\,435 + 9\,999 \times 6 = 138\,429$$

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

**\*GV kết luận: Cách giải bài toán có liên quan đến biểu thức có chứa một chữ.**

**Bài 4.** Tính giá trị của biểu thức nếu  $7 < m < 9$  và  $n$  là số chẵn lớn nhất có ba chữ số thì giá trị của biểu thức:  $1088 : m + n \times 2$ .

- HS đọc đề bài.
- HS làm nhóm đôi.

**Đáp án:**

Ta thấy  $7 < 8 < 9$  nên  $m = 8$ .

Số chẵn lớn nhất có ba chữ số là 998. Vậy  $n = 998$ .

$$\begin{aligned}\text{Với } m = 8 \text{ và } n = 998 \text{ thì } 1088 : m + n \times 2 &= 1088 : 8 + 998 \times 2 \\ &= 136 + 1996 \\ &= 2132\end{aligned}$$

Do đó nếu  $7 < m < 9$  và  $n$  là số chẵn lớn nhất có ba chữ số thì giá trị của biểu thức:  $1088 : m + n \times 2$  là 2132.

- GV cho HS trình bày.
- GV chốt, nhận xét, tuyên dương nhóm làm đúng.

**3. Hoạt động Củng cố (3 – 5')**

Bài toán: Cho biểu thức  $P = a + a + a + a + a + a + 1010 + b + b + b + b + b + b - 2018$ .

Giá trị của biểu thức  $P$  với  $a + b = 468$

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)****TOÁN Củng cố****ÔN TẬP VỀ BIỂU THỨC CHỨA CHỮ (Tiết 6)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết cách tính giá trị của biểu thức chứa chữ với mỗi giá trị của chữ.
- Vận dụng giải bài toán tính chu vi các hình đã học và các bài toán liên quan khác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: file bài giảng
- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU.****1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')**

- Nhảy tập thể bài “Tình bạn diệu kì”
- GV giới thiệu vào bài.

**2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (20 - 25')**



- GV yêu cầu HS đọc kĩ bài tập 1, 2, 3, 4 (Phiếu bài tập), GV hướng dẫn HS kết hợp chấm chữa bài.

### **Bài 1.**

Tính giá trị của biểu thức :

$$(a + b - 1) \times (a + b - 2) \times \dots \times (a + b - 100) \text{ với } a = 48; b = 52$$

- HS làm bài cá nhân.

- GV cho HS trình bày và nhận xét.

### **Đáp án:**

Nếu  $a = 38; b = 52$  thì:

$$\begin{aligned} & (a + b - 1) \times (a + b - 2) \times \dots \times (a + b - 100) \\ &= (48 + 52 - 1) \times (48 + 52 - 2) \times \dots \times (48 + 52 - 100) \\ &= (48 + 52 - 1) \times (48 + 52 - 2) \times \dots \times 0 \\ &= 0 \end{aligned}$$

- GV nhận xét, chốt kết luận

**Bài 2. Tính giá trị của biểu thức  $(a + 9) \times (b - 9) \times (c - 1\,975)$  với  $a = 5; b = 30; c = 1\,975$**

- HS làm bài theo nhóm 2

- Đại diện nhóm lên chia sẻ kết quả.

- GV nhận xét chốt đáp án.

### **Đáp án:**

Với  $a = 5; b = 30; c = 1\,975$  thì giá trị của biểu thức là:

$$\begin{aligned} (a + 9) \times (b - 9) \times (c - 1\,975) &= (5 + 9) \times (30 - 9) \times (1\,975 - 1\,975) \\ &= 14 \times 21 \times 0 \\ &= 0 \end{aligned}$$

**\*GV kết luận: Khi tính giá trị của một biểu thức dạng tích dài thì ta nên qua sát xem có giá trị của một thừa số nào có bằng 0 hay không.**

**Bài 3.** Cho  $P = x - 342$

a) Tính giá trị của biểu thức P với  $x = 1\,000$ .

b) Với giá trị nào của x thì biểu thức P có giá trị bằng 0?

- Gọi HS đọc đề bài.

- GV hướng dẫn phân tích đề toán.

- HS làm bài cá nhân.

- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

- GV mời các HS khác nhận xét bài.

### **Bài giải**

a) Với  $x = 1\,000$  thì  $P = 1\,000 - 342 = 658$

b) P có giá trị bằng 0 tức là:

$$0 = x - 342$$

$$X = 0 + 342 = 342$$

Vậy: khi  $x = 342$  thì P có giá trị bằng 0

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

**\*GV kết luận: Cách giải bài toán có liên quan đến biểu thức có chứa một chữ: Khi giá trị của biểu thức = 0 thì chữ có giá trị bằng bao nhiêu?**

**Bài 4.** Nếu a là số có 1 chữ số thì biểu thức  $A = 201 \times a + 206$  có giá trị lớn nhất là bao nhiêu?

- HS đọc đề bài.

- HS làm nhóm đôi.

**Đáp án:**

A lớn nhất khi a lớn nhất. Mà a lớn nhất bằng 9.

Khi đó: P lớn nhất =  $201 \times 9 + 206 = 2\,015$

- GV cho HS trình bày.

- GV chốt, nhận xét, tuyên dương nhóm làm đúng.

**3. Hoạt động Củng cố (3 – 5')**

Cách tính giá trị biểu thức chứa chữ theo 2 chiều khác nhau.

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

**LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ**

**BÀI 4: THIÊN NHIÊN VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Xác định được, vị trí địa lí, một số địa danh tiêu biểu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Sử dụng được bản đồ, lược đồ để xác định vị trí địa lí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và một số đối tượng địa lí.
- Hình thành năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học thông qua việc xác định vị trí các đối tượng địa lý trên bản đồ, lược đồ.
- HS yêu thích môn Lịch sử và địa lí và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn học và ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: File bài giảng;

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')**

- GV yêu cầu học sinh quan sát hình 1 và trả lời câu hỏi:

+ Cột mốc xác định độ cao của đỉnh núi nào?

+ Đỉnh núi này nằm ở vùng nào của nước ta?

+ Em hãy nêu những hiểu biết của em về vùng đất đó?

- HS làm việc nhóm đôi thảo luận về câu hỏi.

- HS chia sẻ đáp án của mình.

- GV nhận xét câu trả lời, chốt đáp án đúng.

- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

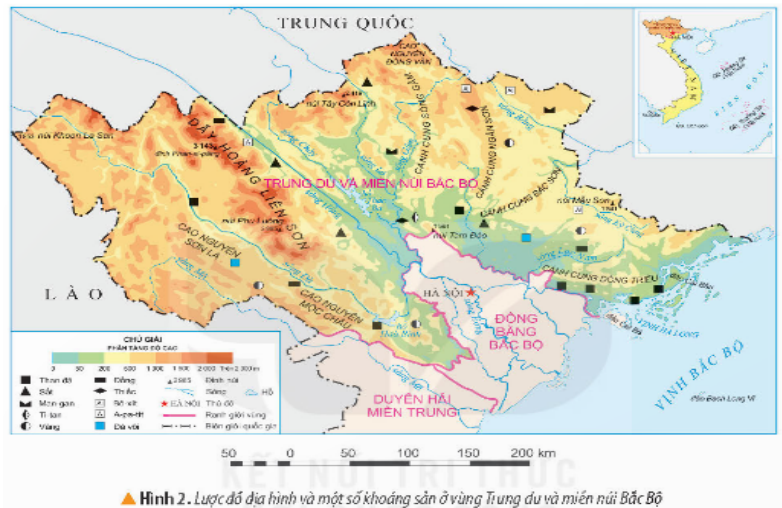
**2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: (13- 15')**

**Tìm hiểu về vị trí địa lí vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.**



▲ Hình 1. Cột mốc trên đỉnh Phan-xi-păng (Fansipan)

- Tổ chức học sinh hoạt động nhóm đôi thực hiện các yêu cầu: Đọc thông tin và quan sát hình 2, xác định vị trí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên lược đồ.
- Giáo viên theo dõi kiểm tra.
- Gọi học sinh xác định vị trí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên lược đồ.
- Học sinh xác định vị trí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên lược đồ.



Hình 2. Lược đồ địa hình và một số khoáng sản ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

- GV đặt một số câu hỏi khai thác nội dung kiến thức về vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- + Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng lãnh thổ nằm ở phía nào của nước ta?
- => *Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng lãnh thổ nằm ở phía bắc của nước ta.*
- + Kể tên các vùng, quốc gia tiếp giáp với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- => *Vùng tiếp giáp các quốc gia: Trung Quốc, Lào; Trung du và miền núi Bắc Bộ tiếp giáp với các vùng: Đồng bằng Bắc Bộ, Duyên hải miền Trung.*
- + Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ bao gồm những phần lãnh thổ nào?
- => *Bao gồm vùng phần đất liền rộng lớn và vùng biển ở phía đông nam.*
- GV nhận xét, tuyên dương học sinh.
- Tổ chức học sinh quan sát hình 3 kết hợp đọc nội dung thông tin mục “Em có biết”
- Nêu những điều em biết về Cột cờ Lũng Cú.
- HS Quan sát, đọc thông tin.
- => *Cột cờ Lũng Cú được xây dựng trên núi Rồng thuộc xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Trên đỉnh cột là lá Quốc kì Việt Nam rộng 54 m<sup>2</sup> tượng trưng cho 54 dân tộc của nước ta.*
- GV nhận xét, kết luận.
- Tuyên dương, giáo dục học sinh.

### 3. Hoạt động luyện tập thực hành: (8- 10')

**Thực hành xác định vị trí địa lí vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên lược đồ, bản đồ.**

- Giáo viên sử dụng lược đồ, bản đồ (có thể sử dụng lược đồ Hình 2), nêu yêu cầu của hoạt động (*xác định trên lược đồ vị trí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ kết hợp nêu những vùng, quốc gia tiếp giáp với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ*)
- Tổ chức học sinh thực hành.
- Tổ chức học sinh nhận xét, góp ý.
- GV nhận xét tuyên dương và chốt đáp án đúng.

### 4. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV yêu cầu HS chia sẻ:
- + Chia sẻ những điều em đã học được với người thân.
- + Tìm và xác định vị trí của Trung du và miền núi Bắc Bộ trên một số lược đồ, bản đồ khác.
- HS chia sẻ những hiểu biết của mình.
- GV nhận xét và chốt đáp án đúng.

- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài.

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục nếu có)

### LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

#### BÀI 4: THIÊN NHIÊN VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ ( Tiết 4 )

##### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Mô tả được một trong những đặc điểm thiên nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi,...) của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ
- Rèn luyện kỹ năng quan sát lược đồ, tranh ảnh qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.
- Hình thành năng lực vận dụng kiến thức kỹ năng đã học, hình thành năng lực nhận thức khoa học Địa lí (thông qua việc mô tả được một trong những đặc điểm thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ)
- HS yêu thích môn Lịch sử và địa lí và hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng trong cuộc sống của môn học và ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống.

##### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng;

##### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

##### 1. Hoạt động khởi động: (3 – 5')

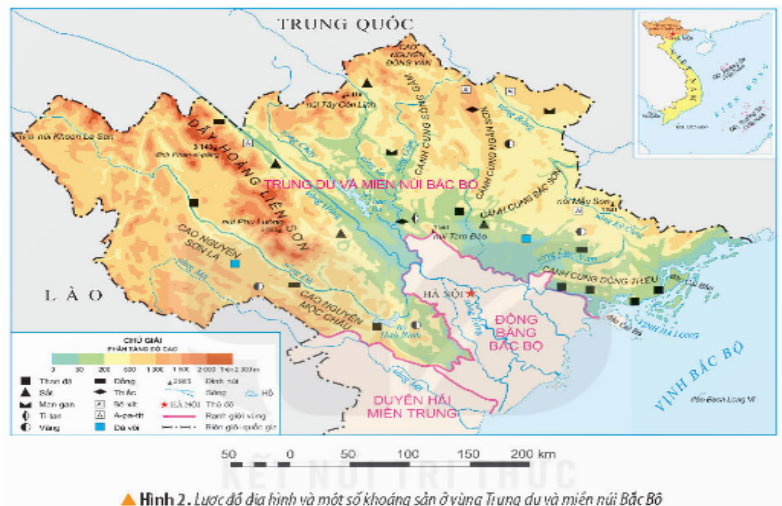
- GV yêu cầu HS xác định vị trí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên lược đồ.
- + Nêu các vùng, quốc gia tiếp giáp với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

##### 2. Hoạt động khám phá hình thành kiến thức mới: (8- 10')

**Tìm hiểu về đặc điểm thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.**

##### 2.1. Tìm hiểu về địa hình:

- Yêu cầu học sinh đọc thông tin và quan sát hình 2,4,5 làm việc nhóm đôi thực hiện các yêu cầu:
- HS Đọc thông tin và quan sát hình 2,4,5 làm việc nhóm đôi thực hiện các yêu cầu.



▲ Hình 2. Lược đồ địa hình và một số khoáng sản ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

+ Xác định trên lược đồ: dãy núi Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng và cao nguyên Mộc Châu.

+ Mô tả đặc điểm chính của địa hình ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

(GV hướng dẫn học sinh cách khai thác lược đồ, đọc thang phân tầng độ cao để phân biệt các khu vực địa hình)

- GV nhận xét, kết luận. (Mở rộng kiến thức cho học sinh: Đỉnh Phan-xi-păng cao 3.143 m – đỉnh núi cao nhất nước ta cũng như khu vực Đông Dương, ngoài ra còn có những đỉnh núi cao trên 2.000 m, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ còn có các dãy núi có hình vòng cung: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc sơn, Đông Triều )



- Tổ chức cho học sinh cùng xác định các dãy núi trên lược đồ.

## 2.2. Tìm hiểu về khí hậu:

- Tổ chức học sinh hoạt động nhóm đôi thực hiện các yêu cầu:

+ Quan sát hình 6, đọc thông tin SGK.

- HS Quan sát hình 6, đọc thông tin, trao đổi và trình bày kết quả:

+ Nêu đặc điểm nổi bật của khí hậu vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

=> Vùng có khí hậu nhiệt đới gió mùa, với mùa đông lạnh nhất cả nước, khí hậu chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi độ cao địa hình, ở các vùng núi cao nhiệt độ hạ thấp, đôi khi có tuyết rơi.

- GV nhận xét, kết luận.

- GV cung cấp thêm cho học sinh một số hình ảnh, video về thời tiết (tuyết rơi) ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Khí hậu lạnh và tuyết rơi có ảnh hưởng gì đối với đời sống và sản xuất của người dân ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

=> Tuyết rơi là hiện tượng tự nhiên thú vị thu hút khách du lịch, tuy nhiên nó cũng gây ảnh hưởng xấu đến đời sống và sản xuất của người dân: thiệt hại về cây trồng, gia thông,...

- GV nhận xét, kết luận, tuyên dương học sinh.

## 2.3. Tìm hiểu về sông ngòi.

- Yêu cầu học sinh đọc thông tin và quan sát hình 2, 7, 8 và thực hiện yêu cầu:

- Học sinh đọc thông tin và quan sát hình 2, 7, 8 và thực hiện các yêu cầu:

+ Xác định trên lược đồ (hình 2) các sông lớn ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

- GV gọi HS xác định.

=> Học sinh xác định trên lược đồ các sông lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ: Sông Hồng, sông Đà, sông Chảy, sông Lô, sông Gâm,...

+ Nêu đặc điểm chính của sông ngòi vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. => Các sông có nhiều thác ghềnh.

+ Vì sao sông có nhiều thác ghềnh, nó có khả năng phát triển ngành gì? => Do ảnh hưởng của địa hình (địa hình chủ yếu là đồi núi), có khả năng phát triển thủy điện.

- GV mở rộng kiến thức cho học sinh về thủy điện (qua một số hình ảnh, thông tin).

- GV nhận xét kết luận, tuyên dương HS.

## 2.4. Tìm hiểu về khoáng sản.

- Tổ chức HS hoạt động cá nhân: Đọc thông tin, quan sát hình 2 và thực hiện các yêu cầu:

- HS hoạt động cá nhân: Đọc thông tin, quan sát hình 2 và thực hiện các yêu cầu:

+ Kể tên một số khoáng sản chính ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. => Than, sắt, apatít, đá vôi,....

+ Dựa vào bảng chú giải (hình 2) xác định trên lược đồ vị trí của các khoáng sản vừa nêu. (GV hướng dẫn học sinh cách khai thác thông tin trên lược đồ)

- GV nhận xét (câu trả lời, kỹ năng khai thác bản đồ của học sinh), kết luận, tuyên dương học sinh.

- Gọi học sinh đọc nội dung mục “Em có biết?”

- GV mở rộng kiến thức cho học sinh qua mục “Em có biết?”

- GV kết luận, nhận xét, tuyên dương học sinh.

## 3. Hoạt động luyện tập thực hành: (13- 15')

**Vẽ sơ đồ tư duy mô tả đặc điểm tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.**



- GV hướng dẫn học sinh có thể chọn một trong các yếu tố tự nhiên để thực hiện. (*Khuyến khích học sinh thực hiện nhiều yếu tố tự nhiên*)
- Tổ chức học sinh thực hiện.
- Tổ chức học sinh trình bày, nhận xét, góp ý (Theo một số tiêu chí)
- + Thể hiện được nhiều yếu tố tự nhiên.
- + Đầy đủ nội dung.
- + Đảm bảo tính thẩm mỹ.

- Đại diện nhóm trình bày. Ví dụ:
- GV nhận xét, tuyên dương học sinh.

#### 4. Hoạt động vận dụng trải nghiệm (3 - 5')

- GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn.

- Nội dung trò chơi:

Câu 1: Dạng địa hình nào chiếm ưu thế ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- Đồng bằng
- Núi và cao nguyên
- Bờ biển
- Hang động

Câu 2: Con sông nào sau đây **không** chảy qua vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- Sông Hồng
- Sông Đà
- Sông Lô
- Sông Mê Kông

- HS tham gia trò chơi và đưa nhanh đáp án.

- GV Nhận xét, đánh giá tiết dạy tuyên dương HS, khích lệ động viên HS chưa hoàn thành bài. Yêu cầu học sinh chuẩn bị bài 4: Thiên nhiên vùng trung du và miền núi Bắc bộ ( tiết 3)

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

\*\*\*\*\*

### KHOA HỌC

#### Bài 2: SỰ CHUYỂN THỂ CỦA NƯỚC VÀ VÒNG TUẦN HOÀN CỦA NƯỚC TRONG TỰ NHIÊN (Tiết 3)

##### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Quan sát và làm được thí nghiệm đơn giản để phát hiện ra sự chuyển thể của nước.
- Vẽ sơ đồ và sử dụng được các thuật ngữ: bay hơi, ngưng tụ, đông đặc, nóng chảy để mô tả sự chuyển thể của nước.
- Vẽ được sơ đồ và ghi chú được “vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên”

##### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

##### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

###### 1. Hoạt động Khởi động (3 - 5')

- GV cho HS quan sát hiện tượng khi dùng khăn ẩm lau bảng thì thấy bảng ướt sau đó bảng khô.
- Từ đó GV đặt câu hỏi: Vậy nước ở bảng đã đi đâu?
- GV nhận xét, tuyên dương.



- GV giới thiệu - ghi bài.

## 2. Hoạt động Khám phá (10 – 15')

### Sự chuyển thể của nước

*\*Thí nghiệm 1:*

- GV chia lớp thành 4 nhóm HS, yêu cầu tất cả HS đọc thông tin trong SGK trước khi đi vào hoạt động cụ thể.

- GV tiến hành thí nghiệm trong SGK trang 10.

- Yêu cầu HS quan sát thí nghiệm, thảo luận và trả lời câu hỏi vào bảng nhóm.

+ Cho biết nước có thể tồn tại ở thể nào?

*(Nước có thể tồn tại ở thể rắn, lỏng, khí)*

+ Chỉ ra sự chuyển thể của nước đã xảy ra trong mỗi hình?

- HS thực hiện.

*(Hình 2a: Từ thể lỏng sang thể rắn.*

*Hình 2b: Từ thể rắn sang thể lỏng*

*Hình 3a: Từ thể lỏng sang thể khí.*

*Hình 3b: Từ thể khí sang thể lỏng)*

- GV cho 1 – 2 nhóm trả lời câu hỏi và nhận xét chéo nhau.

- GV nhận xét phần trình bày của các nhóm.

***\*GV kết luận: Nước tồn tại ở 3 thể: Rắn, lỏng, khí.***

*\*Thí nghiệm 2:*

- GV hướng dẫn các nhóm quan sát hình 4, thảo luận và trả lời câu hỏi trong SGK vào bảng nhóm:

+ Từ còn thiếu ở hình 4b là gì? *(Thể lỏng)*

+ Hiện tượng nào tương ứng với các số (1), (2), (3), (4) mô tả sự chuyển thể của nước? *(Nóng chảy, bay hơi, ngưng tụ và đông đặc)*

- GV cho các nhóm nhận xét chéo nhau?

- GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và chốt lại kiến thức: Sự chuyển từ thể này sang thể khác của nước được diễn tả bằng các hiện tượng tương ứng trong bảng sau:

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi SGK trang 11 để củng cố kiến thức.

- Quan sát hình 5 và cho biết sự chuyển thể của nước đã xảy ra trong mỗi hình?

- GV tuyên dương và chuyển sang hoạt động tiếp theo.

***\*GV kết luận: Nước có thể chuyển từ thể này sang thể khác thông qua hiện tượng:***

***Bay hơi, đông đặc, nóng chảy, nhưng tụ.***

## 3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 - 15')

### Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên

- Hướng dẫn các nhóm quan sát và đọc thông tin hình 6, thảo luận và trả lời câu hỏi: “Hãy cho biết”

+ Mây được hình thành như thế nào?

+ Nước mưa từ đâu ra?

*(Mưa được tạo ra từ các hạt nước lớn trong đám mây đen rơi xuống)*

+ Sự chuyển thể nào của nước diễn ra trong tự nhiên quan trọng đối với chúng ta? *(Có hai sự chuyển thể của nước trong tự nhiên là thể lỏng thành thể khí và thể khí thành thể lỏng và sự chuyển thể đó được lặp đi, lặp lại)*

- HS trả lời.

+ Vì sao vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên quan trọng với chúng ta?

*(Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên quan trọng với chúng ta vì nước trên Trái Đất sẽ không bị mất đi: Nước từ mặt đất, sông, hồ, biển ... sau một chu trình lại trở về và giúp chúng ta lại có nước sinh hoạt, sản xuất.)*

#### **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (1 - 3')**

- Nước có thể tồn tại ở thể nào?
- Nhận xét tiết học.

#### **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

\*\*\*\*\*

### **KHOA HỌC**

## **Bài 2: SỰ CHUYỂN THỂ CỦA NƯỚC VÀ VÒNG TUẦN HOÀN CỦA NƯỚC TRONG TỰ NHIÊN (Tiếp theo) (Tiết 4)**

### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS được củng cố lại các kiến thức đã học về sự chuyển thể của nước và vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên.

### **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- File bài giảng

### **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

#### **1. Hoạt động Khởi động kết nối (3 - 5')**

- GV tổ chức cho HS trò chơi: Ai nhanh ai đúng?

Câu 1: Nước có thể tồn tại ở dạng thể nào?

- |        |                     |
|--------|---------------------|
| A. Rắn | B. Lỏng             |
| C. Khí | C. Cả 3 đáp án trên |

Câu 2: Hiện tượng nước từ thể rắn chuyển sang thể lỏng được gọi là:

- |              |             |
|--------------|-------------|
| A. Nóng chảy | B. Đông đặc |
| C. Ngưng tụ  | D. Bay hơi  |

- HS tham gia chơi
- GV giới thiệu - ghi bài

#### **2. Hoạt động Khám phá (10 – 15')**

- GV yêu cầu các nhóm quan sát hình 7: Thảo luận và trả lời câu hỏi, vẽ sơ đồ theo các gợi ý:

+ Từ nào trong các từ: Hơi nước, mây đen, mây trắng, giọt mưa phù hợp với các ô chữ A, B, C, D?

*(Các từ: hơi nước, mây trắng, mây đen, giọt mưa tương ứng với các ô chữ)*

+ Từ in đậm trong các từ in đậm ở hình 6 phù hợp với các số (1), (2), (3), (4) trên hình 7?  
*(Từ in đậm trong hình 6: bay hơi, ngưng tụ, tiếp tục ngưng tụ, mưa, trở về tương ứng với các số tương ứng trong hình)*

- GV cho các nhóm trả lời câu hỏi, trình bày sơ đồ đã vẽ
- GV yêu cầu HS nhận xét chéo nhau.
- GV hỏi: Em hãy nói về vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên sau khi hoàn thành sơ đồ?

#### **3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (10 - 15')**

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi vào phiếu

Câu 1: Nước có thể tồn tại ở thể nào?

*(Nước có thể tồn tại ở thể: rắn, lỏng, khí)*

Câu 2: Hãy sử dụng các cụm từ: Bay hơi, ngưng tụ, đông đặc và nóng chảy để mô tả sự chuyển thể của nước ở hình 2 và hình 3 trong SGK?

(Thể rắn nóng chảy → Thể lỏng Thể khí Ngưng tụ Thể lỏng  
 Thể lỏng Đông đặc → Thể rắn  
 Thể lỏng Bay hơi → Thể rắn)

Câu 3: Người ta thường sấy tóc sau khi gội đầu. Em hãy cho biết mục đích của việc làm này và giải thích?

(Mục đích của sấy tóc là để tóc khô vì dưới tác dụng từ nhiệt của máy sấy thì nước ở thể lỏng chuyển sang thể khí và bay hơi)

- GV gọi đại diện các nhóm nêu
- GV tổ chức cho các nhóm nhận xét chéo.
- GV nhận xét, khen nhóm trả lời tốt

#### 4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (1 - 3')

- GV gọi HS trả lời mục: Em có thể"
- Nhận xét tiết học.

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

\*\*\*\*\*

### HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

#### **SINH HOẠT THEO CHỦ ĐỀ: ĐIỀU KHIỂN XE ĐẠP AN TOÀN (Tiết 4)**

##### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học sinh biết điều khiển xe đạp an toàn khi tham gia giao thông.
- Nắm được một số quy định về an toàn giao thông dành cho xe đạp.
- Thực hiện các điều kiện đảm bảo an toàn khi điều khiển xe đạp tham gia giao thông.
- Nhận biết những hành vi điều khiển xe đạp không an toàn.
- Nhắc nhở và chia sẻ người khác về việc điều khiển xe đạp an toàn, phòng tránh những hành vi điều khiển xe đạp không an toàn.

##### **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: File bài giảng;

##### **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

###### **1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- HS chuẩn bị trang phục ngay ngắn để chuẩn bị làm lễ chào cờ.
- Thực hiện nghi lễ chào cờ.
- GV nhận xét thi đua trong tuần.
- GV triển khai các công việc tuần mới.

###### **2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 25')**

###### **a. Tìm hiểu các bước điều khiển xe đạp an toàn**

- GV YC học sinh Kể các cách điều khiển xe an toàn mà em biết.
- HS chia sẻ các cách điều khiển xe an toàn:
  - + Điều khiển xe đạp bằng hai tay, phải đi đúng phần đường dành cho xe thô sơ và phải đi sát lề đường bên tay phải.
  - + Nghiêm túc tuân thủ các báo hiệu giao thông và ácc quy tắc an toàn giao thông.
  - + Người đi xe đạp điện bắt buộc phải đội nón bảo hiểm có cài quai đúng quy cách.
- Cho HS qua tranh 1,2, 3, 4, 5 trang 6. (TLGD) Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4: Cách điều khiển xe đạp của các bạn trong tranh có an toàn không? Vì sao? Chỉ ra những hành vi điều khiển xe đạp không an toàn của các bạn trong tranh.

- HS chia sẻ cảm nhận của mình.

**b. Nhận biết một số hành vi điều khiển xe đạp không an toàn**

- Yêu cầu HS kể thêm một số hành vi đi xe đạp không an toàn khác.

- HS chia sẻ một số hành vi đi xe đạp không an toàn.

+ H1: Vượt đường sắt...

+ H2: Vượt đèn đỏ

+ H3: Đi hàng ba

+ H4: Điều khiển xe 1 bánh

+ H5: Vừa đi vừa nghe nhạc, Đk xe 1 tay...

+ H6: ĐK xe sang làn đường dành cho ô tô....

c. Xử lý một số tình huống khi điều khiển xe đạp trên đường.

- GV đưa ra một số tình huống giao thông để học sinh xử lý.

- HS chia sẻ cách xử lý của mình.

**3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')**

- GV yêu cầu học sinh vẽ tranh để thể hiện nội dung “ An toàn giao thông” .

- HS vẽ tranh và hoàn thành bài.

- GV nhận xét tiết học và nhắc kiến thức cần nhớ trong tiết học.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**GIỮ GÌN TRƯỜNG EM XANH, SẠCH, ĐẸP ( Tiết 5)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh trường, lớp.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch lao động trong nhà trường.

- Thực hiện được những việc làm cụ thể giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp.

- Tích cực tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và của nhà trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: File bài giảng;

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- HS vận động theo bài hát: Giữ gìn vệ sinh trường lớp.

- HS trao đổi với nhau về nội dung bài hát:

+ Vì sao chúng ta phải giữ gìn vệ sinh trường lớp?

+ Muốn trường lớp luôn sạch, đẹp thì chúng ta phải làm thế nào

- HS chia sẻ câu trả lời của mình.

- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học – Kết nối giới thiệu bài mới.

**2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 25')**



- GV chia lớp thành các nhóm để cùng chơi trò chơi.
- GV giới thiệu trò chơi *Đoán tranh* và phổ biến luật chơi như sau:
  - + Dán các bức tranh về những khu vực trong trường học lên bảng. GV mở một mảnh ghép ở từng tranh. Các nhóm đoán xem đó là khu vực nào trong trường học.
  - + Các nhóm rung chuông giành quyền trả lời. Nhóm nào rung chuông nhanh nhất sẽ được trả lời trước.
  - + Nhóm đoán đúng nhiều khu vực nhất là nhóm chiến thắng.



- GV hướng dẫn các nhóm chơi trò chơi *Đoán tranh*.
- GV mời một số HS nêu cảm nghĩ khi tham gia trò chơi.
- GV kết luận: *Trong trường có nhiều khu vực khác nhau. Mỗi khu vực có những nét đặc trưng riêng và tiện ích riêng. Cô khen ngợi các em đã nhanh mắt đoán được tên các khu vực trong trường mình.*

### **Lập kế hoạch giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp.**

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:
  - + GV chia HS thành các nhóm từ 4 – 6 HS.
  - + GV phổ biến nhiệm vụ: Dựa vào kết quả khảo sát thực trạng trong tiết trước, các nhóm thảo luận, xây dựng kế hoạch giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp.
  - + GV hướng dẫn HS xây dựng kế hoạch theo các ý sau đây:
    - *Lựa chọn khu vực trong trường.*
    - *Xác định các khu vực cần làm.*
    - *Dự kiến thời gian thực hiện.*
    - *Chuẩn bị các dụng cụ cần thiết.*
    - *Phân công nhiệm vụ cho các thành viên.*
    - *Những lưu ý khi thực hiện.*
- GV hướng dẫn HS làm việc cả lớp:
  - + GV tổ chức cho các nhóm lên chia sẻ bản kế hoạch của nhóm mình trước lớp.

<b>KẾ HOẠCH LAO ĐỘNG</b>	
<b>TỔ 1</b>	<b>LỚP 4A4</b>
<b>Khu vực</b>	...
<b>Công việc cần làm</b>	...
<b>Thời gian thực hiện</b>	...
<b>Dụng cụ cần chuẩn bị</b>	...
<b>Phân công nhiệm vụ</b>	...
...	...

- + GV nêu thêm ý kiến cho HS hoàn thiện bản kế hoạch.
- GV nhận xét và kết luận: ***Để có thể thực hiện giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp các em cần phải lập kế hoạch chi tiết, cụ thể, rõ ràng. Đây là một việc làm thiết thực, phù***

*hợp với lứa tuổi để góp phần giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp. Các nhóm hãy cùng nhau thực hiện tốt kế hoạch đã xây dựng.*

### **3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')**

- GV yêu cầu HS Trò chuyện với người thân về kế hoạch giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp của nhóm em hoặc của nhóm khác mà em thấy thú vị.
- GV nhận xét tiết học và nhắc kiến thức cần nhớ trong tiết học và chuẩn bị cây xanh để trang trí lớp học trong tiết học sau.

### **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)**

---

## **HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

### **SINH HOẠT THEO CHỦ ĐỀ: THỰC HIỆN GIỮ GÌN TRƯỜNG HỌC XANH, SẠCH, ĐẸP (Tiết 6)**

#### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh trường, lớp.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch lao động trong nhà trường.
- Thực hiện được những việc làm cụ thể giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp.
- Tích cực tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và của nhà trường.

#### **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: File bài giảng;

#### **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

##### **1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- HS vận động theo bài hát: Em yêu trường em.
- HS trả lời câu hỏi do GV đặt ra:
  - + Các con yêu trường mình không? Để trường mình luôn sạch đẹp, chúng ta cần làm gì?
- GV nhận xét thi đua trong tuần.
- GV triển khai các công việc tuần mới.

##### **2. Hoạt động luyện tập, thực hành: Sinh hoạt cuối tuần (23 – 25')**

###### **2.1. Đánh giá kết quả cuối tuần (Làm việc nhóm 2)**

- GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.
  - + Kết quả sinh hoạt nền nếp.
  - + Kết quả học tập.
  - + Kết quả hoạt động các phong trào.
- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tùy vào kết quả trong tuần)

###### **2.2. Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4)**

- GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.
  - + Thực hiện nền nếp trong tuần.
  - + Thi đua học tập tốt.
  - + Thực hiện các hoạt động các phong trào.
- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.

###### **2.3. Sinh hoạt theo chủ đề: Thực hiện giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp.**

- GV tổ chức HS thực hiện giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp theo kế hoạch đã xây dựng:

+ Kiểm tra việc chuẩn bị các đồ dùng cần thiết theo kế hoạch: găng tay, chổi, dụng cụ hót rác, xẻng, bình tưới nước,...

+ Nhắc lại những lưu ý đảm bảo khi thực hiện.

+ Các nhóm giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp theo nhiệm vụ được phân công.

- GV nhắc nhở HS thu dọn đồ dùng gọn gàng để sử dụng cho những lần sau.

- GV tổ chức cho HS đánh giá kết quả thực hiện theo các nội dung sau:

+ Những việc em đã làm được để giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp.

+ Cảm xúc của em sau khi thực hiện.

+ Những việc em sẽ tiếp tục làm để giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp.

- GV mời đại diện các nhóm lên trình bày trước lớp.

- GV kết luận: ***Chúng ta đã thực hiện xong hoạt động thực hiện giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp. Sau hoạt động này mỗi em sẽ góp phần tích cực vào việc giữ gìn cảnh quan chung của trường học.***

### 3. Hoạt động Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

- GV yêu cầu học sinh cùng người thân thực hiện nội dung: *Cùng người thân thu gom các chai nhựa nhiều kiểu dáng để làm chậu cây trong giờ học sau.*

- GV hướng dẫn học sinh hoàn thành phiếu.

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà chuẩn bị cho nội dung chủ đề sau.

### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)



BGH kí duyệt

Tổ trưởng

Giáo viên

Doãn Thị Cúc

Nguyễn Thị Lan Anh

Lê Thị Phương Linh

